SAO Y; Sở Xây dựng; Thời gian ký: 09/04/2024 09:15:17 +07:00

UBND TỈNH KIÊN GIANG **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 758/CB-SXD	*Kiên Giang, ngày 8 tháng 04 năm 2024*

CÔNG BỐ

Giá vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và giá vật liệu xây dựng bán tại nơi sản xuất tháng 03 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 6338/VP-KT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc ủy quyền công bố chỉ số giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ giá vật liệu xây dựng do các địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cung cấp;

Căn cứ thông báo, đề nghị công bố giá vật liệu của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất từ ngày 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2024. Giá cụ thể từng loại vật liệu đính kèm theo công bố này, gồm các phụ lục sau:

- Phụ lục: Giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Rạch Giá, kèm theo giá vật liệu xây dựng tại các địa phương.

- Giá vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất tại phụ lục kèm theo công bố này được cập nhật, tổng hợp từ giá đã hình thành mua bán trên thị trường, từ các thông tin của nhà cung cấp, nhà sản xuất. Đối với công trình đầu tư xây dựng từ nguồn vốn nhà nước, giá vật liệu xây dựng áp dụng lập, thẩm định, phê duyệt dự toán là giá thấp nhất. Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là một kênh thông tin để các tổ chức, cá nhân tham khảo và sử dụng trong quá trình lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, không dùng để thanh toán, quyết toán.

- Trường hợp vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị không có trong Phụ lục kèm theo Công bố giá này hoặc đã có nhưng giá không phù hợp thì giá vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị được xác định trên cơ sở: Lựa chọn mức giá phù hợp giữa các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu xây dựng (không áp dụng đối với các loại vật liệu lần đầu xuất hiện trên thị trường và chỉ có duy nhất trên thị trường Việt Nam) đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ dự kiến, khối lượng cung cấp, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật của vật liệu; hoặc

tham khảo giá của loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự đã được sử dụng ở công trình khác.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để được xem xét, hướng dẫn theo quy định.

Giá vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang theo địa chỉ: https://sxd.kiengiang.gov.vn.

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước KG;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng;
- Lưu VT, P. QLXD, bthoanh.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH KIÊN GIANG

Nguyễn Ngọc Lân

Dutoanf1.com.vn

PHỤ LỤC

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 3 NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

(Kèm theo Công bố số 785/CB-SXD ngày 8 tháng 04 năm 2024 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị tính: đồng

Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)) (*)

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Thành phố Rạch Giá (Giá tháng 03)
1	Xi măng	Xi măng Cement Hà tiên PCB 30	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCNHQ đến ngày 11/4/2024		Cty Cổ phần XM Hà Tiên					1.100
2	Xi măng	Xi măng Cement Hà tiên PCB 40	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCNHQ đến ngày 11/4/2024		Cty Cổ phần XM Hà Tiên					1.208
3	Xi măng	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp PCB 40	Kg	TCVN 6260:2020 QCVN 16:2019/BXD GCNHQ số 233/2023/DNSX-SVIBM đến ngày 06/12/2026		Cty Cổ Phần Phát Triển Sài Gòn			Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên và xuống phương tiện vận chuyển đến địa điểm giao hàng trong khu vực TP HCM, số lượng tối thiểu để được vận chuyển 10-50 tấn/chuyến.		1.520
4	Xi măng	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp PCB 50	Kg	TCVN 6260:2020 QCVN 16:2019/BXD GCNHQ số 234/2023/DNSX-SVIBM đến ngày 06/12/2026		Cty Cổ Phần Phát Triển Sài Gòn			Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên và xuống phương tiện vận chuyển đến địa điểm giao hàng trong khu vực TP HCM, số lượng tối thiểu để được vận chuyển 10-50 tấn/chuyến.		1.760
5	Cát xây dựng	Cát vàng hạt to 1,2-1,4 (cát bê tông)	M3							Theo báo giá tháng 03/2024 của Công ty CP VLXD CIC Thắng Anh	318.181
6	Cát tự nhiên	Cát đen san lấp	M3							Theo báo giá tháng 03/2024 của Công ty CP VLXD CIC Thắng Anh	268.181

Dtoanf1.com.vn

7	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ 80x80x180	Viên		80x80x180mm	Gạch Tuynel Kiên Giang				Theo báo giá tháng 03/2024 của CP VLXD CIC Thắng Anh	1.435
8	Gạch xây	Gạch thẻ 40x80x180	Viên		40x80x180mm	Gạch Tuynel Kiên Giang				Theo báo giá tháng 03/2024 của CP VLXD CIC Thắng Anh	1.435
9	Gạch xây	Gạch ống 80x80x180 mm	Viên		80x80x180 mm	Gạch Tunnel An Giang				Theo báo giá tháng 03/2024 của CP VLXD CIC Thắng Anh	1.389
10	Gạch xây	Gạch thẻ 40x80x180 mm	Viên		40x80x180 mm	Gạch Tunnel An Giang				Theo báo giá tháng 03/2024 của CP VLXD CIC Thắng Anh	1.389
11	Gạch xây	Gạch ống 80x80x180 mm	Viên		80x80x180 mm	Gạch Tunnel Toàn Thịnh Phát				Theo báo giá tháng 03/2024 của CP VLXD CIC Thắng Anh	1.389
12	Gạch xây	Gạch thẻ 40x80x180 mm	Viên		40x80x180 mm	Gạch Tunnel Toàn Thịnh Phát				Theo báo giá tháng 03/2024 của CP VLXD CIC Thắng Anh	1.389
13	Gạch xây	Gạch không nung (Block): Gạch 190x190x390mm	Viên	TCVN 6477: 2016 GCN hợp Quy QCVN 16:2019 đến ngày 11/4/2024	190x190x390mm	Cty Cổ phần Địa Ốc An Giang				Cty Cổ phần Địa Ốc An Giang	12.980
14	Gạch xây	Gạch không nung (Block): Gạch 100x190x390mm	Viên	TCVN 6477: 2016 GCN hợp Quy QCVN 16:2019 đến ngày 11/4/2024	100x190x390mm	Cty Cổ phần Địa Ốc An Giang				Cty Cổ phần Địa Ốc An Giang	7.380
15	Gạch xây	Gạch không nung (Block): Gạch 45x90x190mm	Viên	TCVN 6477: 2016 GCN hợp Quy QCVN 16:2019 đến ngày 11/4/2024	45x90x190mm	Cty Cổ phần Địa Ốc An Giang				Cty Cổ phần Địa Ốc An Giang	1.470
16	Đá tự nhiên	Đá 0x4 loại II	M3			Đá Hòn Sóc		Giá tại TP.Rạch Giá		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	318.182
17	Đá tự nhiên	Đá 1x2 lỗ sàng 25-27	M3			Đá Hòn Sóc		Giá tại TP.Rạch Giá		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	436.364
18	Đá tự nhiên	Đá 4x6 xay bóp	M3			Đá Hòn Sóc		Giá tại TP.Rạch Giá		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	400.000
19	Thép xây dựng	Thép cuộn Φ 6	Kg		CT3 (CB240T)	Thép Miền Nam		Giá tại thời điểm báo, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	16.045

Dutoan1.com.vn

20	Thép xây dựng	Thép cuộn Φ 8	Kg		CT3 (CB240T)	Thép Miền Nam		Giá tại thời điểm báo, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	16.045
21	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 10	Kg		SD295/CB300-V	Thép Miền Nam		Giá tại thời điểm báo, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	16.091
22	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 12 - 28	Kg		SD295/CB300-V	Thép Miền Nam		Giá tại thời điểm báo, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	16.045
23	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 10	Kg		CB400-V	Thép Miền Nam		Giá tại thời điểm báo, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	15.909
24	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 12 - 28	Kg		CB400-V	Thép Miền Nam		Giá tại thời điểm báo, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	15.864
25	Thép xây dựng	Thép cuộn Φ 6	Kg		CB240T	Vas Nghi Sơn		Giá tại thời điểm báo 06/01/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá Qúi I năm 2024	15.610
26	Thép xây dựng	Thép cuộn Φ 8	Kg		CB240T	Vas Nghi Sơn		Giá tại thời điểm báo 06/01/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá Qúi I năm 2025	15.610
27	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 10	Kg		Gr40	Vas Nghi Sơn		Giá tại thời điểm báo 06/01/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá Qúi I năm 2026	15.780
28	Thép xây dựng	Thép cây Φ 12 - Φ 20	Kg		Gr/CB300v	Vas Nghi Sơn		Giá tại thời điểm báo 06/01/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá Qúi I năm 2027	15.680
29	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 10	Kg		CB400V	Vas Nghi Sơn		Giá tại thời điểm báo 06/01/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá Qúi I năm 2028	15.560
30	Thép xây dựng	Thép cây Φ 12 - Φ 32	Kg		CB400V	Vas Nghi Sơn		Giá tại thời điểm báo 06/01/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể		Theo báo giá Qúi I năm 2029	15.460
31	Thép xây dựng	Thép cuộn Φ 6	Kg		CT3 (CB240T)	Vina Kyoei		Giá tại thời điểm báo 01/03/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể			15.730

Dutoan1.com.vn

32	Thép xây dựng	Thép cuộn Φ 8	Kg		CT3 (CB240T)	Vina Kyoei		Giá tại thời điểm báo 01/03/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể				15.730
33	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 10	Kg		SD295/CB300-V	Vina Kyoei		Giá tại thời điểm báo 01/03/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể				15.880
34	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 12 - 25	Kg		SD295/CB300-V	Vina Kyoei		Giá tại thời điểm báo 01/03/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể				15.730
35	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 10	Kg		CB400-V/SD390/SD345/G60	Vina Kyoei		Giá tại thời điểm báo 01/03/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể				15.880
36	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Φ 12 - 32	Kg		CB400-V/SD390/SD345/G60	Vina Kyoei		Giá tại thời điểm báo 01/03/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể				15.730
37	Gỗ xây dựng	Cừ 5,0m, ĐK ngọn >4,2cm	Cây		5,0m, ĐK ngọn >4,2cm						Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	44.444
38	Gỗ xây dựng	Cừ 5,0m, ĐK ngọn >3,8cm	Cây		5,0m, ĐK ngọn >3,8cm						Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	41.667
39	Gỗ xây dựng	Ván coffa gỗ thông	M3								Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	7.916.667
40	Gỗ xây dựng	Ván coffa gỗ tạp - ván ép (nhãn hiệu Mỹ Anh)	M3	TCVN 7756-4: 2007; TCVN 7756-5: 2007; TCVN 7756-6: 2007; TCVN 7756-7: 2007; TCVN 7756-9: 2007;		Nhãn hiệu Mỹ Anh					Cty TNHH Xây dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	6.000.000
41	Gỗ xây dựng	Ván coffa gỗ tạp - ván ép (nhãn hiệu Thanh Mai)	M3			Nhãn hiệu Thanh Mai					Cty TNHH Xây dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	5.000.000

Dutoan1.com.vn

42	Gỗ xây dựng	Ván phủ film (nhãn hiệu Mỹ Anh) - Quy cách 1,22mx2,44m, dày 18mm, chênh lệch ±1	M2	TCVN 7756-4: 2007; TCVN 7756-5: 2007; TCVN 7756-6: 2007; TCVN 7756-7: 2007; TCVN 7756-9: 2007; TCVN 7756-11: 2007	1,22mx2,44m, dày 18mm, chênh lệch ±1	Nhãn hiệu Mỹ Anh				Cty TNHH Xây dựng và Kiểm Định Thành Tao (ĐT: 0918.336.223)	175.000
43	Gỗ xây dựng	Ván phủ film (nhãn hiệu TT-TB) - Quy cách 1,22mx2,44m, dày 18mm, chênh lệch ±1	M2		1,22mx2,44m, dày 18mm, chênh lệch ±1	Nhãn hiệu TT-TB				Cty TNHH Xây dựng và Kiểm Định Thành Tao (ĐT: 0918.336.223)	162.963
44	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh trắng AZ100 00/05:0,40mm x 1200mm C550	M2		0,40mm x 1200mm C550	CTy CP Tập Đoàn Hoa Sen				Tôn mạ Hoa sen - Cán sóng thường	92.500
45	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0,40mm x 1200mm C550	M2		0,40mm x 1200mm C550	CTy CP Tập Đoàn Hoa Sen				Tôn mạ Hoa sen - Cán sóng thường	102.500
46	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1,40mm	Mét		30mmx60mmx1,40mm	CTy CP Tập Đoàn Hoa Sen				Chi nhánh Tập đoàn Hoa Sen (Rạch Giá)	36.590
47	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1,40mm	Mét		40mmx80mmx1,40mm	CTy CP Tập Đoàn Hoa Sen				Chi nhánh Tập đoàn Hoa Sen (Rạch Giá)	49.227
48	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 60mmx120mmx1,40mm	Mét		60mmx120mmx1,40mm	CTy CP Tập Đoàn Hoa Sen				Chi nhánh Tập đoàn Hoa Sen (Rạch Giá)	74.560
49	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 90mmx90mmx1,40mm	Mét		90mmx90mmx1,40mm	CTy CP Tập Đoàn Hoa Sen				Chi nhánh Tập đoàn Hoa Sen (Rạch Giá)	74.560
50	Vật liệu khác	Máng xối Inox dày 0,4mm (gia công + phụ kiện)	Mét		Dày 0,4mm (gia công + phụ kiện)	CTy CP Tập Đoàn Hoa Sen				Chi nhánh Tập đoàn Hoa Sen (Rạch Giá)	327.364
51	Thép xây dựng	Xà gồ thép C45x100x2ly	Mét		C45x100x2ly					Theo báo giá tháng 03/2024 của Công ty CP VLXD CIC Thắng Anh	89.091
52	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm vuông 60x120x1,8ly	Mét		60x120x1,8ly					Theo báo giá tháng 03/2024 của Công ty CP VLXD CIC Thắng Anh	140.455
53	Vật liệu khác	Xăng Ron 95 III	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex		Giá từ ngày 07/03/2024 đến 13/03/2024 (giá từ ngày 01/03/2024-06/03/2024 lấy theo giá ngày 29/02/2024)			21.409

Dutoanxd.com.vn

54	Vật liệu khác	Xăng E5	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					20.464
55	Vật liệu khác	Dầu Diezel 0,05S	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					18.609
56	Vật liệu khác	Dầu hỏa	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					18.727
57	Vật liệu khác	Xăng Ron 95 III	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex		Giá từ ngày 14/03/2024 đến 20/03/2024			21.400
58	Vật liệu khác	Xăng E5	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					20.445
59	Vật liệu khác	Dầu Diezel 0,05S	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					18.673
60	Vật liệu khác	Dầu hỏa	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					18.818
61	Vật liệu khác	Xăng Ron 95 III	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex		Giá từ ngày 21/03/2024 đến 27/03/2024			22.073
62	Vật liệu khác	Xăng E5	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					21.100
63	Vật liệu khác	Dầu Diezel 0,05S	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					19.100
64	Vật liệu khác	Dầu hỏa	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					19.327

Dutoanxd.com.vn

65	Vật liệu khác	Xăng Ron 95 III	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex		Giá ngày 28/03/2024			22.555
66	Vật liệu khác	Xăng E5	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					21.473
67	Vật liệu khác	Dầu Diezel 0,05S	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					18.809
68	Vật liệu khác	Dầu hỏa	Lít			Theo Thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex					18.973
69	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=6m	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=6m					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.759.259
70	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=8m	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=8m					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	2.546.296
71	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=10m	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=10m					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	3.009.259
72	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=12m	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=12m					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	3.583.333
73	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=14m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=14m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	5.277.778

Dutoanf1.com.vn

74	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=16m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=16m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	5.370.370
75	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=18m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=18m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	5.787.037
76	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=20m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=20m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	6.435.185
77	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=22m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=22m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	7.078.704
78	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=24m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=24m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	7.722.222
79	Bê tông đúc sẵn	Cọc 25cmx25cm, L=26m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	Cọc 25cmx25cm, L=26m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	8.365.741
80	Bê tông đúc sẵn	Cọc 30cmx30cm, L=10m	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	30cmx30cm, L=10m					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	4.120.370
81	Bê tông đúc sẵn	Cọc 30cmx30cm, L=12m	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	30cmx30cm, L=12m					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	4.944.444

Dutoanf1.com.vn

82	Bê tông đúc sẵn	Cọc 30cmx30cm, L=14m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	30cmx30cm, L=14m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	5.768.519
83	Bê tông đúc sẵn	Cọc 30cmx30cm, L=16m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	30cmx30cm, L=16m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	6.592.593
84	Bê tông đúc sẵn	Cọc 30cmx30cm, L=18m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	30cmx30cm, L=18m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	7.416.667
85	Bê tông đúc sẵn	Cọc 30cmx30cm, L=20m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	30cmx30cm, L=20m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	8.240.741
86	Bê tông đúc sẵn	Cọc 30cmx30cm, L=22m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	30cmx30cm, L=22m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	9.064.815
87	Bê tông đúc sẵn	Cọc 30cmx30cm, L=24m (2 đoạn)	Cọc	Cọc vuông, dự ứng lực, Mác 500 GCN hợp Quy số:0361027410.03 (đến ngày: 23/05/2024)	30cmx30cm, L=24m (2 đoạn)					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	9.888.889
88	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông dự ứng lực chữ I220 (Mác 500) Loại L=4m, 6 thanh Ø 7,1mm	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	L=4m, 6 thanh Ø 7,1mm					Cty CP Địa Ốc An Giang	396.700
89	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông dự ứng lực chữ I220 (Mác 500) Loại L=5,5m, 6 thanh Ø 7,1mm	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	L=5,5m, 6 thanh Ø 7,1mm					Cty CP Địa Ốc An Giang	405.100

Luutoanf1.com.vn

90	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông dự ứng lực chữ I220 (Mác 500) Loại L=6,0m, 8 thanh Ø 7,1mm	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	L=6,0m, 8 thanh Ø 7,1mm						Cty CP Địa Ốc An Giang	446.400
91	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông dự ứng lực chữ I220 (Mác 500) Loại L=6,7m, 10 thanh Ø 7,1mm	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	L=6,7m, 10 thanh Ø 7,1mm						Cty CP Địa Ốc An Giang	450.300
92	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông vuông dự ứng lực 20x20cm (M400)Cọc 20cmx20cm (L>=4 đến L<7m) - đoạn mũi không nối cọc	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	20cmx20cm (L>=4 đến L<7m) - đoạn mũi không nối cọc						Cty CP Địa Ốc An Giang	263.500
93	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông vuông dự ứng lực 20x20cm (M400)Cọc 20cmx20cm (L>=7 đến L<8m) - đoạn mũi không nối cọc	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	20cmx20cm (L>=7 đến L<8m) - đoạn mũi không nối cọc						Cty CP Địa Ốc An Giang	244.000
94	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông vuông dự ứng lực 20x20cm (M400)Cọc 20cmx20cm (L>=4 đến L<7m) - đoạn có nối cọc	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	20cmx20cm (L>=4 đến L<7m) - đoạn có nối cọc						Cty CP Địa Ốc An Giang	276.200
95	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông vuông dự ứng lực 20x20cm (M400)Cọc 20cmx20cm (L>=7 đến L<8m) - đoạn có nối cọc	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	20cmx20cm (L>=7 đến L<8m) - đoạn có nối cọc						Cty CP Địa Ốc An Giang	257.300
96	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông vuông dự ứng lực 25x25cm (M400). Cọc 25cmx25cm (L>=4 đến L<=6m) - đoạn mũi không nối cọc	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	25cmx25cm (L>=4 đến L<=6m) - đoạn mũi không nối cọc						Cty CP Địa Ốc An Giang	397.600
97	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông vuông dự ứng lực 25x25cm (M400). Cọc 25cmx25cm (L>6m đến L<=10m) - đoạn mũi không nối cọc	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	25cmx25cm (L>6m đến L<=10m) - đoạn mũi không nối cọc						Cty CP Địa Ốc An Giang	368.800

Dulieu1.com.vn

98	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông vuông dự ứng lực 25x25cm (M400). Cọc 25cmx25cm (L>=4 đến L<=6m) - đoạn có nối cọc	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	25cmx25cm (L>=4 đến L<=6m) - đoạn có nối cọc					Cty CP Địa Ốc An Giang	406.800
99	Bê tông đúc sẵn	Cọc bê tông vuông dự ứng lực 25x25cm (M400). Cọc 25cmx25cm (L>6m đến L<=10m) - đoạn có nối cọc	M	TCVN 11823: 2017 GHC số:06/2022/CBHC-ĐOAG (đến ngày: 26/12/2025)	25cmx25cm (L>6m đến L<=10m) - đoạn có nối cọc					Cty CP Địa Ốc An Giang	378.000
100	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø400 H10, L=4m M300, dày 5cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=4m M300, dày 5cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.805.556
101	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø400 H30, L=4m M300, dày 5cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=4m M300, dày 5cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.898.148
102	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø600 H10, L=4m M300, dày 6cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=4m M300, dày 6cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	2.592.593
103	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø600 H30, L=4m M300, dày 6cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=4m M300, dày 6cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	2.685.185
104	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø800 H10, L=4m M300, dày 8cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=4m M300, dày 8cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	4.166.667
105	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø800 H30, L=4m M300, dày 8cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=4m M300, dày 8cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	4.351.852
106	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø1000 H10, L=4m M300, dày 9cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=4m M300, dày 9cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	6.481.481
107	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø1000 H30, L=4m M300, dày 9cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=4m M300, dày 9cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	6.944.444

Dutoan1.com.vn

108	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø1200 H10, L=3m M300, dày 12cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=3m M300, dày 12cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	8.796.296
109	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø1200 H30, L=3m M300, dày 12cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=3m M300, dày 12cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	9.722.222
110	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø1500 H10, L=3m M300, dày 14cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=3m M300, dày 14cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	11.851.852
111	Bê tông đúc sẵn	Cống Ø1500 H30, L=3m M300, dày 14cm	Cái	GCN hợp Quy số:0361027410.01 (đến ngày: 23/05/2024)	L=3m M300, dày 14cm					Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	12.777.778
112	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9.5	Tấn							Cty Cổ phần Tinh Khôi Sáu Hai Một	1.800.000
113	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12.5	Tấn							Cty Cổ phần Tinh Khôi Sáu Hai Một	1.780.000
114	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	Tấn							Cty Cổ phần Tinh Khôi Sáu Hai Một	1.770.000
115	Nhựa đường	Carboncor Asphalt - CA 6.7 (Bê tông nhựa mịn)	Tấn	TCCS 09:2014/TCĐBVN		Cty Cổ phần Carbon Việt Nam					3.900.000
116	Nhựa đường	Carboncor Asphalt - CA 12.5 (Bê tông nhựa mịn)	Tấn			Cty Cổ phần Carbon Việt Nam					3.900.000
117	Nhựa đường	Carboncor Asphalt - CA 19 Bê tông nhựa rỗng	Tấn	TCCS 09:2019/CARBONVN		Cty Cổ phần Carbon Việt Nam					3.160.000
118	Bê tông thương phẩm	Mác 200	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	1.354.091
119	Bê tông thương phẩm	Mác 250	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	1.444.545

Dtoanf1.com.vn

120	Bê tông thương phẩm	Mác 300	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	1.535.454
121	Bê tông thương phẩm	Mác 300 Bền Sulfat	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	1.642.727
122	Bê tông thương phẩm	Mác 350	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	1.626.364
123	Bê tông thương phẩm	Mác 350 bền Sulfat	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	1.733.636
124	Bê tông thương phẩm	Mác 400	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	1.802.727
125	Bê tông thương phẩm	Mác 300, 20 độ C	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	2.090.000
126	Bê tông thương phẩm	Mác 350, bền sulfat, 20-25 độ C	M3	Độ sụt 12±2.		Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT		Giá chưa bao gồm công bơm - Cát Tân Châu, đá 1x2 Hòn Sóc, Xi măng PC50 Insee (Holcim)	Giá áp dụng trong bán kính 10km nội ô Thành phố Rạch Giá	Giá tại thời điểm báo (tháng 03/2024). Giá có thể thay đổi tùy theo giá nguyên vật liệu đầu vào	2.271.818
127	Vật liệu khác	Phụ gia R7	M3			Cty TNHH TRƯỜNG PHÁT					72.727
128	Bê tông thương phẩm	Mác 200	M3	Độ sụt 12±2;		Cty CP VLXD CIC Thắng Anh		Giá chưa bao gồm công bơm		Theo báo giá tháng 03/2024 Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.250.000

Dutoan1.com.vn

129	Bê tông thương phẩm	Mác 250	M3	Độ sụt 12±2;		Cty CP VLXD CIC Thắng Anh		Giá chưa bao gồm công bơm		Theo báo giá tháng 03/2024 Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.342.593
130	Bê tông thương phẩm	Mác 300	M3	Độ sụt 12±2;		Cty CP VLXD CIC Thắng Anh		Giá chưa bao gồm công bơm		Theo báo giá tháng 03/2024 Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.435.185
131	Bê tông thương phẩm	Mác 350	M3	Độ sụt 12±2;		Cty CP VLXD CIC Thắng Anh		Giá chưa bao gồm công bơm		Theo báo giá tháng 03/2024 Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.527.778
132	Bê tông thương phẩm	Mác 200	M3	Độ sụt 10±2		Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành		Đơn giá BT vận chuyển đến công trình đổ xả; Giá chưa bao gồm công bơm 80.000 đ/m3	Giá tới công trình trên địa bàn TP Rạch Giá, bán kính ≤10km	Theo báo giá qui I năm 2024 Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành	1.272.728
133	Bê tông thương phẩm	Mác 250	M3	Độ sụt 10±2		Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành		Giá chưa bao gồm công bơm 80.000 đ/m3	Giá tới công trình trên địa bàn TP Rạch Giá, bán kính ≤10km	Theo báo giá qui I năm 2024 Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành	1.318.182
134	Bê tông thương phẩm	Mác 300	M3	Độ sụt 10±2		Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành		Giá chưa bao gồm công bơm 80.000 đ/m3	Giá tới công trình trên địa bàn TP Rạch Giá, bán kính ≤10km	Theo báo giá qui I năm 2024 Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành	1.363.637
135	Bê tông thương phẩm	Mác 350	M3	Độ sụt 10±2		Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành		Giá chưa bao gồm công bơm 80.000 đ/m3	Giá tới công trình trên địa bàn TP Rạch Giá, bán kính ≤10km	Theo báo giá qui I năm 2024 Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành	1.409.091
136	Bê tông thương phẩm	Mác 400	M3	Độ sụt 10±2		Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành		Giá chưa bao gồm công bơm 80.000 đ/m3	Giá tới công trình trên địa bàn TP Rạch Giá, bán kính ≤10km	Theo báo giá qui I năm 2024 Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành	1.454.546
137	Vật liệu khác	Phụ gia R7	M3			Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành		Giá chưa bao gồm công bơm 80.000 đ/m3	Giá tới công trình trên địa bàn TP Rạch Giá, bán kính ≤10km	Theo báo giá qui I năm 2024 Cty Cổ Phần Xây Dựng Phú Thành	63.637
138	Vật tư ngành điện	Đèn cảnh quan Led Nikkon 40-60W (điều khiển chiếu sáng thông minh không dây)	Bộ				Nikkon Malaysia	Giá bán tại công trình		Cty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	7.350.000
139	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon 65-80W, điều khiển không dây, dimming 5 cấp	Bộ				Nikkon Malaysia	Giá bán tại công trình		Cty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	8.100.000
140	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon 85-100W, điều khiển không dây, dimming 5 cấp	Bộ				Nikkon Malaysia	Giá bán tại công trình		Cty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	8.625.000
141	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon 105-120W, điều khiển không dây, dimming 5 cấp	Bộ				Nikkon Malaysia	Giá bán tại công trình		Cty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	10.350.000

Dutoan1.com.vn

142	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon 1250-150W, điều khiển không dây, dimming 5 cấp	Bộ				Nikkon Malaysia	Giá bán tại công trình		Cty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	11.850.000
143	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 60W-80W	Bộ				Nikkon Malaysia	Giá bán tại công trình		Cty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	28.425.000
144	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh không dây DCU	Bộ				Nikkon Malaysia	Giá bán tại công trình		Cty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	110.500.000
145	Vật tư ngành điện	Bộ thu phát tín hiệu chiếu sáng thông minh không dây LCU	Bộ				Nikkon Malaysia	Giá bán tại công trình		Cty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	7.670.000
146	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led 70W dim 5 cs	Bộ				Philips Hà Lan	Giá bán tại công trình		Cty TNHH FSI Việt Nam	9.675.000
147	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led 100W dim 5 cs	Bộ				Philips Hà Lan	Giá bán tại công trình		Cty TNHH FSI Việt Nam	10.973.000
148	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led 120W dim 5 cs	Bộ				Philips Hà Lan	Giá bán tại công trình		Cty TNHH FSI Việt Nam	11.933.000
149	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led 150W dim 5 cs	Bộ				Philips Hà Lan	Giá bán tại công trình		Cty TNHH FSI Việt Nam	13.183.000
150	Vật tư ngành điện	Đèn Led Tembin Modun SMD Slighting 65-85W Dimming 5 cấp	Bộ					Giá bán tại công trình		Cty CP Slighting Việt Nam	7.491.000
151	Vật tư ngành điện	Đèn Led Tembin Modun SMD Slighting 90-115W Dimming 5 cấp	Bộ					Giá bán tại công trình		Cty CP Slighting Việt Nam	8.965.000
152	Vật tư ngành điện	Đèn Led Tembin Modun SMD Slighting 120-135W Dimming 5 cấp	Bộ					Giá bán tại công trình		Cty CP Slighting Việt Nam	10.076.000
153	Vật tư ngành điện	Đèn Led Sky Lighting SH-633 (40w-65w) Dimming 5 cấp	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Cty TNHH Công trình Chiếu sáng đô thị số 1		Giá bán tại công trình			6.720.000
154	Vật tư ngành điện	Đèn Led Sky Lighting SH-633 (70w-100w) Dimming 5 cấp	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Cty TNHH Công trình Chiếu sáng đô thị số 1		Giá bán tại công trình			8.140.000
155	Vật tư ngành điện	Đèn Led Sky Lighting SH-633 (105w-160w) Dimming 5 cấp	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Cty TNHH Công trình Chiếu sáng đô thị số 1		Giá bán tại công trình			9.170.000
156	Vật tư ngành điện	Thiết bị điều khiển thông minh Z-Master	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Cty TNHH Công trình Chiếu sáng đô thị số 1		Giá bán tại công trình			25.000.000
157	Vật tư ngành điện	Đèn năng lượng mặt trời (40w-60w)	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Cty TNHH Công trình Chiếu sáng đô thị số 1		Giá bán tại công trình			9.600.000
158	Vật tư ngành điện	Đèn năng lượng mặt trời (60w-80w)	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Cty TNHH Công trình Chiếu sáng đô thị số 1		Giá bán tại công trình			15.500.000

Dutoanf1.com.vn

159	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển Z-inlamp	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Cty TNHH Công trình Chiếu sáng đô thị số 1		Giá bán tại công trình		3.000.000
160	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led chiếu sáng 40-60W, dim 5 cs (điều khiển chiếu sáng thông minh không dây)	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Cty TNHH SX TM DV BELED Việt Nam		Giá bán tại công trình		6.730.000
161	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led chiếu sáng 70-85W, dim 5 cs (điều khiển chiếu sáng thông minh không dây)	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2003		Cty TNHH SX TM DV BELED Việt Nam		Giá bán tại công trình		7.650.000
162	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led chiếu sáng STR03B 100W, chip LED NICHIA Nhật Bản, dim 5cs, chống sét 10Kv	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2004		Cty TNHH SX TM DV BELED Việt Nam		Giá bán tại công trình		9.980.000
163	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED 90 - 106W, dim 5 cs (điều khiển chiếu sáng thông minh không dây)	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2005		Cty TNHH SX TM DV BELED Việt Nam		Giá bán tại công trình		8.150.000
164	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED 110 - 123W, dim 5 cs (điều khiển chiếu sáng thông minh không dây)	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2006		Cty TNHH SX TM DV BELED Việt Nam		Giá bán tại công trình		9.890.000
165	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED 130 - 150W, dim 5 cs (điều khiển chiếu sáng thông minh không dây)	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2007		Cty TNHH SX TM DV BELED Việt Nam		Giá bán tại công trình		10.650.000
166	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led chiếu sáng 60W, dim 5 cs - LHT Lighting	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình		6.250.000
167	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led chiếu sáng 100W, dim 5 cs LHT Lighting	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình		8.450.000
168	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led chiếu sáng 120W, dim 5 cs - LHT Lighting	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình		10.250.000
169	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn led chiếu sáng 150W, dim 5 cs - LHT Lighting	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình		11.150.000
170	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn đường LED năng lượng mặt trời 60W, dim 5 cs - LHT Lighting	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình		8.860.000
171	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn đường LED năng lượng mặt trời 100W, dim 5 cs - LHT Lighting	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình		10.520.000
172	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn đường LED năng lượng mặt trời 200W, dim 5 cs - LHT Lighting	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình		13.780.000
173	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn đường LED năng lượng mặt trời LHT Lighting LHT - SKY300 (60W-90W), điều khiển công suất có remode	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình		11.890.000

Dtoanfcom.vn

174	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn đường LED năng lượng mặt trời LHT Lighting LHT - SKY300 (100W-150W), điều khiển công suất có remode	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình			15.235.000
175	Vật tư ngành điện	Bộ Đèn đường LED năng lượng mặt trời LHT Lighting LHT - SKY300 (160W-200W), điều khiển công suất có remode	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007		Cty TNHH SX TM KT & XD Hưng Thịnh		Giá bán tại công trình			19.668.000
176	Vật tư ngành điện	Đèn Led công suất 36-40W	Bộ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	3.150.000
177	Vật tư ngành điện	Đèn Led công suất 61-75W	Bộ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	5.250.000
178	Vật tư ngành điện	Đèn Led công suất 91-100W	Bộ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	6.450.000
179	Vật tư ngành điện	Đèn Led công suất 116-120W	Bộ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	7.950.000
180	Vật tư ngành điện	Đèn Led công suất 131-135W	Bộ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	8.450.000
181	Vật tư ngành điện	Đèn Led công suất 151-160W	Bộ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	8.950.000
182	Vật tư ngành điện	Trụ đèn trang trí cao 2,4m (đế NouVo, thân nhôm D108)	Trụ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	4.250.000
183	Vật tư ngành điện	Trụ đèn trang trí cao 2,4m (đế PINE, thân nhôm D90)	Trụ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	4.050.000
184	Vật tư ngành điện	Trụ đèn STK trụ 6m x 3m, dạng cánh cung lắp cần đèn đơn	Trụ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	7.850.000
185	Vật tư ngành điện	Trụ đèn STK trụ 8m x 4m, dạng cánh cung lắp cần đèn đơn	Trụ						Giá bán tại công trình	Cty TNHH SX TM Quang Việt	8.650.000
186	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường AXIS LED SMD 60W-75W. Dim 5 cs, kết nối 1-10V/Dali, hiệu suất phát quang >= 140lm/W	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	IP66, Chống sét 20KV/20KA, Chip LED 5050 chuẩn LM80	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	6.500.000
187	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường AXIS LED SMD 80W-105W. Dim 5 cs, kết nối 1-10V/Dali, hiệu suất phát quang >= 140lm/W	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	IP66, Chống sét 20KV/20KA, Chip LED 5050 chuẩn LM80	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	7.950.000

Dutoanf1.com.vn

188	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường AXIS LED SMD 110W-135W. Dim 5 cs, kết nối 1-10V/Dali, hiệu suất phát quang >= 140lm/W	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	IP66, Chống sét 20KV/20KA, Chip LED 5050 chuẩn LM80	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	8.550.000
189	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NLMT MM-TSSE02 LED 80W - Tích hợp PIN LiFePO4 sạc đầy với 6h nắng/NLmt	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	Tích hợp PIN LiFePO4 sạc đầy với 6H nắng/NLMT	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	18.200.000
190	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường NLMT MM-TSSE02 LED 100W - Tích hợp PIN LiFePO4 sạc đầy với 6h nắng/NLmt	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	Tích hợp PIN LiFePO4 sạc đầy với 6H nắng/NLMT	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	25.600.000
191	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường ORBIT LED SMD 110W-135W. Dim 5 cs, kết nối 1-10V/Dali, hiệu suất phát quang >= 140lm/W	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	IP66, Chống sét 20KV/20KA, Chip LED 5050 chuẩn LM80	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	8.700.000
192	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường RYLAI LED SMD 60W-75W. Dim 5 cs, kết nối 1-10V/Dali, hiệu suất phát quang >= 140lm/W	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	IP66, Chống sét 20KV/20KA, Chip LED 5050 chuẩn LM80	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	6.700.000
193	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường RYLAI LED SMD 80W-105W. Dim 5 cs, kết nối 1-10V/Dali, hiệu suất phát quang >= 140lm/W	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	IP66, Chống sét 20KV/20KA, Chip LED 5050 chuẩn LM80	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	8.050.000
194	Vật tư ngành điện	Bộ đèn đường RYLAI LED SMD 110W-135W. Dim 5 cs, kết nối 1-10V/Dali, hiệu suất phát quang >= 140lm/W	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002)	IP66, Chống sét 20KV/20KA, Chip LED 5050 chuẩn LM80	Cty TNHH Cung Cấp Chiếu Sáng Trung Sơn			Giá bán tại công trình	Bảo hành 5 năm	8.850.000
195	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led MB02-400w (TCVN 7722-1:2017)	Cái	TCVN 7723-1-2017); TCVN 7722-2-3-2019); (ISO 14001:2015); (ISO 9001:2015)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		5.817.000

Dutoanl.com.vn

196	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150w, Dim	Cái	TCVN 7723-1-2017); TCVN 7722-2-3-2019); (ISO 14001:2015); (ISO 9001:2015); (QCVN 19/2019/BKHCN)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		5.209.400
197	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-Win max -100W, Dim Dali	Cái	TCVN 7723-1-2017); TCVN 7722-2-3-2019); (ISO 14001:2015); (ISO 9001:2015)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		11.739.000
198	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-Win max -150W, Dim Dali	Cái	TCVN 7723-1-2017); TCVN 7722-2-3-2019); (ISO 14001:2015); (ISO 9001:2015)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		13.139.000
199	Vật tư ngành điện	Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24, KT: (300x300x1000)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái	(ISO 14001:2015); (ISO 9001:2015)	Chất liệu thép C45 hoặc CT3	Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		700.000
200	Vật tư ngành điện	Cột DC01 đế gang cho cột thép	Cái	(TCCS 01:2018/CSMB)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		6.503.000
201	Vật tư ngành điện	Cột thép - Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 7m, bích 300x300 (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái	(ISO 14001:2015); (ISO 9001:2015)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		4.055.800
202	Vật tư ngành điện	Cần đèn - Cần đơn MB04-D, MB05-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D, MB10-D (lắp vào thân cột thép)	Cái	(ISO 14001:2015); (ISO 9001:2015)	Chất liệu: Thép SS400; Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123	Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		1.929.200
203	Vật tư ngành điện	Cần đèn - Cần kép MB04-K, MB05-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K, MB10-K (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái	(ISO 14001:2015); (ISO 9001:2015)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		2.263.800
204	Vật tư ngành điện	Bộ lưu điện dự phòng UPS 1400Va-1500Va và Ac quy	Bộ	(TCCS 01:2018/CSMB)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		44.800.000

Dutoanxd.com.vn

205	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng trọn bộ 100A-150A (vỏ tủ tôn)	Bộ	(TCCS 01:2018/CSMB)		Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc			Giá bán tại công trình		27.900.000
206	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường CSD02 30W.PLUS 5000K	Cái			Cty Cổ Phần Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông			Giá bán tại công trình		910.000
207	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường CSD02 100W.PLUS 5000K	Cái			Cty Cổ Phần Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông			Giá bán tại công trình		4.100.000
208	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu sáng đường CSD02 200W.PLUS 5000K	Cái			Cty Cổ Phần Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông			Giá bán tại công trình		11.531.000
209	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu pha NLMT CP02.SL.RF.100W	Cái			Cty Cổ Phần Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông			Giá bán tại công trình		4.600.000
210	Vật tư ngành điện	Đèn Led chiếu pha NLMT CP03.SL.RAD 200W.V2 6500K	Cái			Cty Cổ Phần Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông			Giá bán tại công trình		1.861.111
211	Vật tư ngành điện	Đèn Led sân vườn NLMT DSV01.SL.2W 3000K	Cái			Cty Cổ Phần Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông			Giá bán tại công trình		1.390.000
212	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển thông minh TĐK CS IOT 50A	Cái			Cty Cổ Phần Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông			Giá bán tại công trình		80.000.000
213	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển đèn đường RD.CSD.ĐK01	Cái			Cty Cổ Phần Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông			Giá bán tại công trình		3.600.000
214	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố CTP-DOPING 80W	Cái	TCVN 7722-1:2017; TCVN 7722-2-2:2019; quy chuẩn QCVN 19:2019/BKHCN					Giá bán tại công trình	Cty Cổ Phần Cường Thịnh Power	7.800.000
215	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố CTP-DOPING 100W	Cái	TCVN 7722-1:2017; TCVN 7722-2-2:2019; quy chuẩn QCVN 19:2019/BKHCN					Giá bán tại công trình	Cty Cổ Phần Cường Thịnh Power	8.900.000
216	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố CTP-DOPING 120W	Cái	TCVN 7722-1:2017; TCVN 7722-2-2:2019; quy chuẩn QCVN 19:2019/BKHCN					Giá bán tại công trình	Cty Cổ Phần Cường Thịnh Power	9.300.000

Dutoanx.com.vn

217	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố CTP-DOPING 150W	Cái	TCVN 7722-1:2017; TCVN 7722-2-2:2019; quy chuẩn QCVN 19:2019/BKHCN					Giá bán tại công trình	Cty Cổ Phần Cường Thịnh Power	9.600.000
218	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố CTP-DOPING 200W	Cái	TCVN 7722-1:2017; TCVN 7722-2-2:2019; quy chuẩn QCVN 19:2019/BKHCN					Giá bán tại công trình	Cty Cổ Phần Cường Thịnh Power	14.600.000
219	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố CTP-SHARK 60W	Cái	TCVN 7722-1:2017; TCVN 7722-2-2:2019; quy chuẩn QCVN 19:2019/BKHCN					Giá bán tại công trình	Cty Cổ Phần Cường Thịnh Power	4.900.000
220	Vật liệu khác	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) - FLD5-100T/V	Cái	TCVN 7722-2-3:2007 và TCVN 7186: 2018; CNHQ số:VIC/23.HQ/18.02.0605 đến ngày 07/07/2026 và Số: VIC/23.HQ/18.01.0403 đến ngày 12/05/2026	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	MPE, Việt Nam			Giá bán tại công trình	Công ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	2.721.400
221	Vật liệu khác	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) - FLD5-200T/V	Cái	TCVN 7722-2-3:2007 và TCVN 7186: 2018; CNHQ số:VIC/23.HQ/18.02.0605 đến ngày 07/07/2026 và Số: VIC/23.HQ/18.01.0403 đến ngày 12/05/2026	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	MPE, Việt Nam			Giá bán tại công trình	Công ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	5.174.400

Dutoanf1.com.vn

222	Vật liệu khác	Led chiếu sáng đường phố 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) - LST2-150T/V	Cái	TCVN 7722-2-3:2007 và TCVN 7186: 2018; CNHQ số:VIC/23.HQ/18.02.0605 đến ngày 07/07/2026 và Số: VIC/23.HQ/18.01.0403 đến ngày 12/05/2026	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	MPE, Việt Nam			Giá bán tại công trình	Công ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	3.645.300
223	Vật liệu khác	Led chiếu sáng đường phố 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) - LST3-100T/V	Cái	TCVN 7722-2-3:2007 và TCVN 7186: 2018; CNHQ số:VIC/23.HQ/18.02.0605 đến ngày 07/07/2026 và Số: VIC/23.HQ/18.01.0402 đến ngày	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	MPE, Việt Nam			Giá bán tại công trình	Công ty TNHH TM-DV Điện Mạnh Phương	3.488.000
224	Vật tư ngành điện	VC-0,50 (F 0,80)-300/500V	Mét	TCVN 6610-3		Cadivi				Bảng giá niêm yết tại địa chỉ website http://www.cadivi-vn.com/vn/bang-gia.html cũng được xem là một phần của Công bố giá VLXD này	2.250
225	Vật tư ngành điện	VC-1,00 (F 1,13)-300/500V	Mét	TCVN 6610-3	Chứng chỉ: CE; RoHS	Cadivi					3.730
226	Vật tư ngành điện	VCmd-2x1-(2x32/0,2)-0,6/1 kV	Mét	TC AS/NZS 5000.1	Dây điện bọc nhựa PVC 0,6/1 kV	Cadivi					7.710
227	Vật tư ngành điện	VCmd-2x1,5-(2x30/0,25)-0,6/1 kV	Mét	TC AS/NZS 5000.1	Dây điện bọc nhựa PVC 0,6/1 kV	Cadivi					10.990
228	Vật tư ngành điện	VCmd-2x2,5-(2x50/0,25)-0,6/1 kV	Mét	TC AS/NZS 5000.1	Dây điện bọc nhựa PVC 0,6/1 kV	Cadivi					17.820
229	Vật tư ngành điện	VCmo-2x1-(2x32/0,2)-300/500V	Mét	TCVN 6610-5	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	Cadivi					8.860
230	Vật tư ngành điện	VCmo-2x1,5-(2x30/0,25)-300/500V	Mét	TCVN 6610-5	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	Cadivi					12.480
231	Vật tư ngành điện	VCmo-2x6-(2x7x12/0,3)-300/500V	Mét	TCVN 6610-5	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V	Cadivi					45.420
232	Vật tư ngành điện	CV-1,5 (7/0,52)-0,6/1 kV	Mét	TC AS/NZS 5000.1	Cáp điện lực hạ thế -0,6/1 kV	Cadivi					5.720
233	Vật tư ngành điện	CV-2,5 (7/0,67)-0,6/1 kV	Mét	TC AS/NZS 5000.1	Cáp điện lực hạ thế -0,6/1 kV	Cadivi					9.320
234	Vật tư ngành điện	CV-10 (7/1,35)-0,6/1 kV	Mét	TC AS/NZS 5000.1	Cáp điện lực hạ thế -0,6/1 kV	Cadivi					34.300

Dtoanft.com.vn

235	Vật tư ngành điện	CVV-1,5 (1x7/0,52)-0,6/1kV	Mét	TCVN 5935-1	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1 kV	Cadivi						9.010
236	Vật tư ngành điện	CVV-6,0 (1x7/1,04)-0,6/1kV	Mét	TCVN 5935-1	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1 kV	Cadivi						26.550
237	Vật tư ngành điện	CVV-25-0,6/1kV	Mét	TCVN 5935-1	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1 kV	Cadivi						95.400
238	Vật tư ngành điện	CVV-50-0,6/1kV	Mét	TCVN 5935-1	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1 kV	Cadivi						176.740
239	Vật tư ngành điện	VC-2 (1x1,6)-600V	Mét	Dây đồng đơn cứng bọc PVC 600V		Daphaco (Lion)						7.407
240	Vật tư ngành điện	VC-8 (1x3,2)-600V	Mét	Dây đồng đơn cứng bọc PVC 600V		Daphaco (Lion)						28.318
241	Vật tư ngành điện	VC-0,50 (1x0,80)-300/500V	Mét	Dây đồng đơn cứng bọc PVC 300/500V		Daphaco (Lion)						2.328
242	Vật tư ngành điện	VC-1,00 (1x1,13)-300/500V	Mét	Dây đồng đơn cứng bọc PVC 300/500V		Daphaco (Lion)						3.866
243	Vật tư ngành điện	VCmd-2x1-(2x32/0,2)-0,6/1 kV	Mét	Dây điện bọc nhựa PVC 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)						8.009
244	Vật tư ngành điện	VCmd-2x1,5-(2x30/0,25)-0,6/1 kV	Mét	Dây điện bọc nhựa PVC 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)						11.403
245	Vật tư ngành điện	VCmd-2x2,5-(2x50/0,25)-0,6/1 kV	Mét	Dây điện bọc nhựa PVC 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)						18.485
246	Vật tư ngành điện	VCmo-2x1-(2x32/0,2)-300/500V	Mét	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V		Daphaco (Lion)						9.193
247	Vật tư ngành điện	VCmo-2x1,5-(2x30/0,25)-300/500V	Mét	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V		Daphaco (Lion)						12.951
248	Vật tư ngành điện	VCmo-2x6-(2x7x12/0,3)-300/500V	Mét	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V		Daphaco (Lion)						47.128
249	Vật tư ngành điện	CV-1,5 (7/0,52)-0,6/1 kV	Mét	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)						5.720
250	Vật tư ngành điện	CV-2,5 (7/0,67)-0,6/1 kV	Mét	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)						9.320
251	Vật tư ngành điện	CV-10 (7/1,35)-0,6/1 kV	Mét	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)						34.300
252	Vật tư ngành điện	CVV-1,5 (1x7/0,52)-0,6/1kV	Mét	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)						8.210
253	Vật tư ngành điện	CVV-6,0 (1x7/1,04)-0,6/1kV	Mét	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)						24.310

Dutoanf1.com.vn

254	Vật tư ngành điện	CVV-25-0,6/1kV	Mét	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)					87.340
255	Vật tư ngành điện	CVV-50-0,6/1kV	Mét	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1 kV		Daphaco (Lion)					161.810
256	Vật tư ngành điện	Cáp CV 1.5mm2 0.6/1kV	Mét	TCVN 5935	CV	Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	5.390
257	Vật tư ngành điện	Cáp CV 2.5mm2 0.6/1kV	Mét	TCVN 5935	CV	Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	8.910
258	Vật tư ngành điện	Cáp CV 4mm2 0.6/1kV	Mét	TCVN 5935	CV	Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	13.420
259	Vật tư ngành điện	Cáp CV 6mm2 0.6/1kV	Mét	TCVN 5935	CV	Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	19.690
260	Vật tư ngành điện	Cáp CV 10mm2 0.6/1kV	Mét	TCVN 5935	CV	Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	32.670
261	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x1.5mm2 (2x30/0,25)-0.6/1kV	Mét	AS/NZS 5000 1:2005		Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	10.450
262	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x2.5mm2 (2x50/0,25) - 0.6/1kV	Mét	AS/NZS 5000 1:2005		Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	16.940
263	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 3x1.5mm2 300/500V	Mét	TCVN 6610-3; IEC 60227-3		Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	18.590
264	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 3x2.5mm2 300/500V	Mét	TCVN 6610-3; IEC 60227-3		Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	29.150
265	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 4x1.5mm2 300/500V	Mét	TCVN 6610-3; IEC 60227-3		Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	23.870
266	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmt 4x2.5mm2 300/500V	Mét	TCVN 6610-3; IEC 60227-3		Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	37.620

Dutoan1.com.vn

267	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 1.5mm2 0.6/1kV	Mét	TCVN 5935		Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	7.590
268	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 2.5mm2 0.6/1kV	Mét	TCVN 5935		Việt Thái		Giá bao gồm phí VC đến chân công trình (đối với đơn hàng tối thiểu 20.000.000đ)		Cty CP Dây cáp điện Việt Thái (Biên Hòa - Đồng Nai)	11.330
269	Vật liệu khác	Đinh các loại	Kg								22.727
270	Vật liệu khác	Bulon 6mmx50mm	Con								1.000
271	Vật liệu khác	Len Đào đất	Cái								15.000
272	Vật liệu khác	Len trộn hồ	Cái								22.000
273	Vật liệu khác	Súng bắn keo	Cái								12.000
274	Vật liệu khác	Keo kiếng	Chai								26.000
275	Vật liệu khác	Phèn chua	Kg								10.000
276	Vật liệu khác	Giấy dầu loại I	M2								16.110
277	Vật liệu khác	A dao	Kg								20.000
278	Vật liệu khác	Giấy nhám 100 Trung quốc	Tờ								800
279	Vật liệu khác	Giấy nhám 100 VN	Tờ								700
280	Vật liệu khác	Vôi cục	Kg								5.000
281	Vật liệu khác	Oxy (chai khí nén 6m3)	Chai								90.000
282	Vật liệu khác	Đất đèn	Kg								25.000
283	Vật liệu khác	Que hàn C.32-VN	Kg								25.000
284	Vật liệu khác	Que hàn C.47-Hàn Quốc	Kg								165.000

Dutoanf1.com.vn

285	Vật liệu khác	Đinh vít bắn tole	Con								636
286	Vật liệu khác	Đinh đỉa nhôm	Kg								35.000
287	Vật liệu khác	Lưới B40 cao 1,8m	Kg	1m² = 1,667 Kg							18.182
288	Vật liệu khác	Lưới B40 cao 1,2m	Kg	1m² = 1,667 Kg							18.182
289	Vật liệu khác	Kẽm buộc 1 ly	Kg								22.727
290	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT12 (kN/m)	M2			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	11.800
291	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT20 (kN/m)	M2			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	20.200
292	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/50 kN/m)	M2			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	19.400
293	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/50 kN/m)	M2			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	30.100
294	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/50 kN/m)	M2			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	35.900
295	Vật liệu khác	Bấc thấm APT-T7	m			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	4.200
296	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 330	m2			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	104.200
297	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 445	m2			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	90.000

Dutoanf1.com.vn

298	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 600	m2			Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 01/2024 của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu	64.900
299	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật 3 trục Tensar TX 150	m2			Công ty TNHH XD & TM Châu Thịnh					69.300
300	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật gia cố BTN Tensar AX5-GN	m2			Công ty TNHH XD & TM Châu Thịnh					123.200
301	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật đa trục Tensar HX5.5	m2			Công ty TNHH XD & TM Châu Thịnh					78.100
302	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt GT10 (100/50 kN/m)	m2	TCVN 9844-2013	Quy cách :3,5x320m	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phú Thành		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 03/2024 của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phú Thành	15.400
303	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt GT20 (200/50 kN/m)	m2	TCVN 9844-2013	Quy cách :3,5x320m	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phú Thành		Giá đến công trình		Theo báo giá tháng 03/2024 của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phú Thành	20.500
304	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống Hố ga thu nước mưa và ngăn mùi - Vỉa hè 780x380x1250mm (chưa gồm ống PVC và co, cút, công lắp...)	Bộ	TCVN 10333-1:2014		Cty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam		Giá đến công trình			8.093.519
305	Bê tông đúc sẵn	cấu kiện Kè bê tông cốt sợi H=4m L=1,5m	Cấu kiện	TCVN 12604-1-2019-TCVN 12604-2-2019		Cty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam		Giá đến công trình			29.200.926
306	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống Hố ga của hệ thống thoát nước thải (hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) - SiGen - 01B, kích thước 840x440x670mm (chưa bao gồm: ống nhựa, co nối, công lắp,...)	Bộ			Cty TNHH SiGen					10.200.000
307	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống Hố ga của hệ thống thoát nước thải (hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) - SiGen - 03B, kích thước 840x440x540mm (chưa bao gồm: ống nhựa, co nối, công lắp,...)	Bộ			Cty TNHH SiGen					7.700.000
308	Bê tông đúc sẵn	Song chắn rác bê tông siêu tính năng (UHPC) 450x1000mm, cấp tải C250 (25 tấn)	Cái			Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1					2.150.000

Dutoanfi.com.vn

309	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga bê tông siêu tính năng (UHPC) đường kính 643mm, cấp tải C250 (25 tấn) (bao gồm 1 nắp và 1 khung bao)	Cái			Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1					3.440.000
310	Vật liệu tấm lợp, bao che	Lan can người đi bộ, lan can xe đạp, lan can dùng kết hợp - bê tông siêu tính năng (UHPC), hình dáng công nghiệp	md			Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1					1.450.000
311	Bê tông đúc sẵn	Lan can người đi bộ, lan can xe đạp, lan can dùng kết hợp - bê tông siêu tính năng (UHPC), hình dáng mỹ thuật	md			Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1					2.485.000
312	Vật liệu khác	Neoweb 356-50	m2	Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; KT ô ngăn 260mmx224mm (theo TCVN 10544:2014)		Cty Cổ phần Khoa học PYTAGO					144.794
313	Vật liệu khác	Neoweb 356-100	m2	Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; KT ô ngăn 260mmx224mm (theo TCVN 10544:2014)		Cty Cổ phần Khoa học PYTAGO					279.144
314	Vật liệu khác	Neoweb 660-50	m2	Neoweb 660; Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; KT ô ngăn 500mmx420mm (theo TCVN 10544:2014)		Cty Cổ phần Khoa học PYTAGO					90.912

Dutoanf1.com.vn

315	Vật liệu khác	Neoweb 660-100	m2	Neoweb 660: Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; KT ô ngăn 500mmx420mm (theo TCVN 10544:2014)		Cty Cổ phần Khoa học PYTAGO					174.940
316	Vật liệu khác	Neoweb cải tiến 445-75	m2	Neoweb cải tiến 445: Khoảng cách mối hàn danh định 445mm; Chiều cao ô ngăn danh định từ 75mm đến 150mm; KT ô ngăn danh định 340mmx290mm (theo TCVN 10544:2014)		Cty Cổ phần Khoa học PYTAGO					110.308
317	Vật liệu khác	Neoweb cải tiến 445-120	m2	Neoweb cải tiến 445: Khoảng cách mối hàn danh định 445mm; Chiều cao ô ngăn danh định từ 75mm đến 150mm; KT ô ngăn danh định 340mmx290mm (theo TCVN 10544:2014)		Cty Cổ phần Khoa học PYTAGO					183.545
318	Vật liệu khác	Neoweb cải tiến 712-75	m2	Neoweb cải tiến 712: Khoảng cách mối hàn danh định 712mm; Chiều cao ô ngăn danh định từ 75mm đến 150mm; KT ô ngăn danh định 520mmx480mm (theo TCVN 10544:2014)		Cty Cổ phần Khoa học PYTAGO					66.908

Doanft.com.vn

319	Vật liệu khác	Neoweb cải tiến 712-120	m2	Neoweb cải tiến 712: Khoảng cách mối hàn danh định 712mm; Chiều cao ô ngăn danh định từ 75mm đến 150mm; KT ô ngăn danh định 520mmx480mm (theo TCVN 10544:2014)		Cty Cổ phần Khoa học PYTAGO					111.212
320	Đá nhân tạo	Gạch thạch anh (Granite nhân tạo) 40x40 (Màu nhạt)	M2	Loại I	40x40 cm	Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera Việt Nam	Nhà máy Long Thành - Đồng Nai			Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm Sứ Taicera Cần Thơ	179.739
321	Đá nhân tạo	Gạch thạch anh (Granite nhân tạo) 60x30 (Màu nhạt)	M2	Loại I	60x30 cm	Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera Việt Nam	Nhà máy Long Thành - Đồng Nai			Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm Sứ Taicera Cần Thơ	266.884
322	Đá nhân tạo	Gạch thạch anh (Granite nhân tạo) 60x60 (Màu nhạt)	M2	Loại I	60x60 cm	Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera Việt Nam	Nhà máy Long Thành - Đồng Nai			Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm Sứ Taicera Cần Thơ	266.884
323	Đá nhân tạo	Gạch thạch anh bóng kiếng 60x60 (Màu nhạt)	M2	Loại I	60x60 cm	Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera Việt Nam	Nhà máy Long Thành - Đồng Nai			Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm Sứ Taicera Cần Thơ	255.992
324	Đá nhân tạo	Gạch thạch anh bóng kiếng 80x80 (Màu nhạt)	M2	Loại I	80x80 cm	Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera Việt Nam	Nhà máy Long Thành - Đồng Nai			Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm Sứ Taicera Cần Thơ	321.351
325	Đá nhân tạo	Gạch Granite KT 60x60cm	M2	Loại I TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	60x60cm	Cty Cổ phần KD Gạch Ốp Lát Viglacera				Viglacera Tiên Sơn (in kỹ thuật số)	317.273
326	Đá nhân tạo	Gạch Granite KT 80x80cm	M2	Loại I	80x80cm	Cty Cổ phần KD Gạch Ốp Lát Viglacera				Viglacera Tiên Sơn (in kỹ thuật số)	385.273

Dutoanf.com.vn

327	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic KT 30x60cm	M2	Loại I TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD Giấy CNHQ số: 1090 đến ngày 20/06/2026	30x60cm	Cty Cổ phần KD Gạch Ốp Lát Viglacera				Viglacera Thăng Long (kỹ thuật số)	211.273
328	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic KT 30x45cm	M2	Loại I	30x45cm	Cty Cổ phần KD Gạch Ốp Lát Viglacera				Viglacera Thăng Long (kỹ thuật số)	183.273
329	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic KT 30x30cm	M2	Loại I TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD Giấy CNHQ số: 112/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/6/2026	30x30cm	Tổng Cty Cổ phần KD Gạch Ốp Lát Viglacera				Viglacera Hà Nội (kỹ thuật số)	187.273
330	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic KT 50x50cm	M2	Loại I	50x50cm	Tổng Cty Cổ phần KD Gạch Ốp Lát Viglacera				Viglacera Hà Nội (kỹ thuật số)	173.273
331	Gạch ốp lát	Gạch ceramic men mờ 25x25	M2	Loại I	25x25cm	Cty CP Đồng Tâm	Nhà máy Bến Lức - Long An			Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm	147.182
332	Gạch ốp lát	Gạch ceramic men mờ 30x30	M2	Loại I	30x30cm	Cty CP Đồng Tâm	Nhà máy Bến Lức - Long An			Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm	177.273
333	Gạch ốp lát	Gạch ceramic men bóng 30x60	M2	Loại I	30x60cm	Cty CP Đồng Tâm	Nhà máy Bến Lức - Long An			Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm	244.545
334	Gạch ốp lát	Gạch ceramic men bóng 40x40	M2	Loại I	40x40cm	Cty CP Đồng Tâm	Nhà máy Bến Lức - Long An			Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm	157.545
335	Gạch ốp lát	Gạch ceramic men bóng 60x60	M2	Loại I	60x60cm	Cty CP Đồng Tâm	Nhà máy Bến Lức - Long An			Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm	244.454
336	Gạch ốp lát	Gạch ceramic men bóng 25x40	M2	Loại I	25x40cm	Cty CP Đồng Tâm	Nhà máy Bến Lức - Long An			Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm	128.182

Dutoanft.com.vn

337	Gạch ốp lát	Ceramic không mài cạnh 25x40	M2	Loại I; QCVN 16:2019BXD GCN hợp quy số: 208/2021/DNSX-VLXD đến ngày 21/12/2024	25x40cm	Tập đoàn Prime group	Việt Nam			CTY TNHH MTV TM & XNK PRIME	99.510
338	Gạch ốp lát	Ceramic không mài cạnh 30x30	M2	Loại I; QCVN 16:2019BXD GCN hợp quy số: 208/2021/DNSX-VLXD đến ngày 21/12/2024	30x30cm	Tập đoàn Prime group	Việt Nam			CTY TNHH MTV TM & XNK PRIME	101.650
339	Gạch ốp lát	Ceramic không mài cạnh 40x40	M2	Loại I; QCVN 16:2019BXD GCN hợp quy số: 208/2021/DNSX-VLXD đến ngày 21/12/2024	40x40cm	Tập đoàn Prime group	Việt Nam			CTY TNHH MTV TM & XNK PRIME	98.440
340	Gạch ốp lát	Ceramic mài cạnh 50x50	M2	Loại I; QCVN 16:2019BXD GCN hợp quy số: 208/2021/DNSX-VLXD đến ngày 21/12/2024	50x50cm	Tập đoàn Prime group	Việt Nam			CTY TNHH MTV TM & XNK PRIME	123.050
341	Gạch ốp lát	Porcelain men bóng mài cạnh 60x60	M2	Loại I; QCVN 16:2019BXD GCN hợp quy số: 208/2021/DNSX-VLXD đến ngày 21/12/2024	60x60cm	Tập đoàn Prime group	Việt Nam			CTY TNHH MTV TM & XNK PRIME	242.890
342	Gạch ốp lát	Porcelain bóng/ mờ mài cạnh 80x80	M2	Loại I; QCVN 16:2019BXD GCN hợp quy số: 208/2021/DNSX-VLXD đến ngày 21/12/2024	80x80cm	Tập đoàn Prime group	Việt Nam			CTY TNHH MTV TM & XNK PRIME	349.890
343	Gạch ốp lát	Ceramic Xương đỏ, mài cạnh 60x60	M2	Loại I; QCVN 16:2019BXD GCN hợp quy số: 208/2021/DNSX-VLXD đến ngày 21/12/2024	60x60cm	Tập đoàn Prime group	Việt Nam			CTY TNHH MTV TM & XNK PRIME	141.240
344	Gạch ốp lát	Ceramic Xương đỏ, mài cạnh 30x60	M2	Loại I; QCVN 16:2019BXD GCN hợp quy số: 208/2021/DNSX-VLXD đến ngày 21/12/2024	30x60cm	Tập đoàn Prime group	Việt Nam			CTY TNHH MTV TM & XNK PRIME	145.520

Dautoanf1.com.vn

345	Đá nhân tạo	Gạch Granite - Bề mặt bóng KT 60x60	M2	Loại I; QCVN 16:2019/BXD GCN số:52-15 (CNYM1-CNL-2021 đến ngày 13/8/2024	60x60cm	CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ý MỸ	Nhà máy Thuận An - Bình Dương				256.481
346	Đá nhân tạo	Gạch Granite - Bề mặt bóng KT 30x60	M2	Loại I; QCVN 16:2019/BXD GCN số:52-15 (CNYM1-CNL-2021 đến ngày 13/8/2024	30x60cm	CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ý MỸ	Nhà máy Thuận An - Bình Dương				275.000
347	Đá nhân tạo	Gạch Granite - Bề mặt bóng KT 80x80	M2	Loại I; QCVN 16:2019/BXD GCN số:52-15 (CNYM1-CNL-2021 đến ngày 13/8/2024	80x80cm	CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ý MỸ	Nhà máy Thuận An - Bình Dương				335.185
348	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic ốp lát - Bề mặt bóng/mờ KT 60x60	M2	Loại I; QCVN 16:2019/BXD GCN số:52-15 (CNYM1-CNL-2021 đến ngày 13/8/2024	60x60cm	CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ý MỸ	Nhà máy Thuận An - Bình Dương				182.407
349	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic ốp lát - Bề mặt bóng/mờ KT 30x60	M2	Loại I; QCVN 16:2019/BXD GCN số:52-15 (CNYM1-CNL-2021 đến ngày 13/8/2024	30x60cm	CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ý MỸ	Nhà máy Thuận An - Bình Dương				200.926
350	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic ốp lát KT 40x80	M2	Loại I; QCVN 16:2019/BXD GCN số:52-15 (CNYM1-CNL-2021 đến ngày 13/8/2024	40x80cm	CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ý MỸ	Nhà máy Thuận An - Bình Dương				247.222
351	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic ốp lát KT 15x60	M2	Loại I; QCVN 16:2019/BXD GCN số:52-15 (CNYM1-CNL-2021 đến ngày 13/8/2024	15x60cm	CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ý MỸ	Nhà máy Thuận An - Bình Dương				179.630
352	Gạch ốp lát	Gạch lát nền KT 60x60 đá bóng	M2	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số N1.Q5.17.076 đến ngày 13/01/2025	60x60cm	Công Ty TNHH Gạch Men Nhà Ý	KCN Bà Rịa - Vũng Tàu			Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	185.000

Dtoanft.com.vn

353	Gạch ốp lát	Gạch lát nền 30x60 ceramic men mờ	M2	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số N1.Q5.17.076 đến ngày 13/01/2025	30x60cm	Công Ty TNHH Gạch Men Nhà Ý	KCN Bà Rịa - Vũng Tàu			Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	136.000
354	Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Porcelain men bóng/mờ kích thước 30x60 cm	M2	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 1695 (mã số 1695-23-02/04) đến ngày 13/09/2026	30x60cm	Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ	Việt Nam				239.000
355	Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Ceramic men bóng/mờ kích thước 30x60cm	M2	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 1695 (mã số 1695-23-02/04) đến ngày 13/09/2026	30x60cm	Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ	Việt Nam				135.000
356	Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Porcelain men bóng/mờ kích thước 40x80 cm	M2	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 1695 (mã số 1695-23-02/04) đến ngày 13/09/2026	40x80cm	Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ	Việt Nam				310.000
357	Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Porcelain men bóng/mờ kích thước 60x60 cm	M2	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 1695 (mã số 1695-23-02/04) đến ngày 13/09/2026	60x60cm	Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ	Việt Nam				230.000
358	Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Ceramic men bóng/mờ kích thước 60x60cm	M2	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 1695 (mã số 1695-23-02/04) đến ngày 13/09/2026	60x60cm	Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ	Việt Nam				135.000
359	Gạch ốp lát	Gạch ốp lát Porcelain men bóng/mờ kích thước 80x80 cm	M2	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 1695 (mã số	80x80cm	Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ	Việt Nam				310.000
360	Vật liệu khác	Keo dán gạch MTM (Merlink)	Kg			MERLINK				Công ty TNHH Đạt Long Thịnh	7.600
361	Vật liệu khác	Keo dán gạch MTA (Merlink)	Kg			MERLINK				Công ty TNHH Đạt Long Thịnh	9.400
362	Vật liệu khác	Keo chà ron (Merlink)	Kg			MERLINK				Công ty TNHH Đạt Long Thịnh	20.000

Dugoanh.com.vn

363	Sơn	Sơn nội thất tiêu chuẩn STANDARD	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	50.000
364	Sơn	Sơn nội thất cao cấp STANDARD +	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	115.000
365	Sơn	Sơn ngoại thất STANDARD	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	73.000
366	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp STANDARD +	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	126.000
367	Sơn	Sơn lót kháng kiềm cao cấp	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	128.000
368	Sơn	Sơn chống thấm xi măng đa năng	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	121.000
369	Sơn	Sơn bóng nội thất cao cấp premier	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	169.000
370	Sơn	Sơn bóng ngoại thất premier	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	180.000
371	Sơn	Sơn siêu bóng cao cấp	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	235.000
372	Vật liệu khác	Bột trét tường KIGI PAINT	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	8.000
373	Vật liệu khác	Bột trét tường ngoại thất đặc biệt KIGIPAINT	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 02/6/2024		KIGI PAINT				Cty TNHH MTV Ngô Gia 0919113739	9.800

Dutoan1.com.vn

374	Vật liệu khác	Bột trét nội thất Spring (Boss)	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	8.636
375	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất Spring (Boss)	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	10.000
376	Vật liệu khác	Bột trét nội và ngoại thất (Boss)	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	11.818
377	Sơn	Sơn lót Spring (Boss) nội ngoại thất Alkali	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	110.909
378	Sơn	Sơn lót (Boss) nội thất Alkali	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	144.797
379	Sơn	Sơn lót (Boss) ngoại thất Alkali	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	190.000
380	Sơn	Sơn Spring (Boss) nội thất (mờ)	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	59.636
381	Sơn	Boss Matt finish nội thất (mờ)	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	110.000
382	Sơn	Boss Clean maximum nội thất (mờ dễ lau chùi)	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	148.000

Dugoanft.com.vn

383	Sơn	Boss Novo satin nội thất (bóng)	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	221.727
384	Sơn	Boss Spring ngoại thất (mờ)	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	148.600
385	Sơn	Boss Future ngoại thất (mờ)	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	187.500
386	Sơn	Boss Super satin ngoại thất (Siêu bóng)	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	278.000
387	Sơn	Boss Celing finish nội thất (siêu trắng trần)	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	100.797
388	Sơn	Boss Chống thấm tường nội ngoại thất SB01	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	314.343
389	Sơn	Boss Chống thấm sân thượng SB22	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 30/7/2026	Sơn Boss và Spsring	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	151.262
390	Vật liệu khác	Bột trét nội thất - Hipoz Interior Skimcoat	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy số:119/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/07/2026	Sơn Boss Hipoz	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	8.650

Dtoanxd.com.vn

391	Vật liệu khác	Bột trét nội & ngoại thất - Hipoz Interior & Exterior Skimcoat	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy số:119/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/07/2026	Sơn Boss Hipoz	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	10.400
392	Sơn	Sơn lót chống kiềm trong nhà - Hipoz Interior Alkali Sealer	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số:119/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/07/2026	Sơn Boss Hipoz	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	53.511
393	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoài nhà - Hipoz Exterior Alkali Sealer	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số:119/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/07/2026	Sơn Boss Hipoz	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	91.856
394	Sơn	Sơn Nội thất mờ - Hipoz Interior Matt	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số:119/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/07/2026	Sơn Boss Hipoz	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	50.000
395	Sơn	Sơn Nội thất bóng nhẹ cao cấp - Hipoz Intrior Selfwash	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số:119/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/07/2026	Sơn Boss Hipoz	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	90.689
396	Sơn	Sơn ngoại thất bóng nhẹ - Hipoz Exterior Sheenkot	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số:119/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/07/2026	Sơn Boss Hipoz	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	123.078
397	Sơn	Sơn ngoại thất bóng - Hipoz Exterior Silkot	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số:119/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/07/2026	Sơn Boss Hipoz	Công Ty 4 ORANGES CO., LTD	Nhà máy Long An - Việt Nam			Cty TNHH ĐTXD Kiến Nghiệp	135.333
398	Vật liệu khác	Bột bả nội thất - Camper	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Đại Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	7.536

Dtogan1.com.vn

399	Vật liệu khác	Bột bả ngoại thất - Camper	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Đại Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	9.991
400	Sơn	Sơn nội thất cao cấp 6.1 - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	44.161
401	Sơn	Sơn nội thất cao cấp 6.2 - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	74.656
402	Sơn	Sơn nội thất lao chùi hiệu quả 6.3 - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	128.796
403	Sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp 6.4 - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	102.358
404	Sơn	Sơn bóng nội thất cao cấp 6.5No - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	162.841
405	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp 6.10No - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	194.527

Dutoanfi.com.vn

406	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp 6.5NG - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	186.566
407	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp 6.10NG - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	222.336
408	Sơn	Sơn lót nội thất 6.11 - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	77.891
409	Sơn	Sơn kiềm nội thất 6.6No - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	107.430
410	Sơn	Sơn kiềm ngoại thất 6.6NG - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	130.696
411	Sơn	Sơn kiềm nội thất Nano 6.12No - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	120.300
412	Sơn	Sơn kiềm ngoại thất Nano 6.12NG - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	154.045

Dtcanf1.com.vn

413	Sơn	Sơn chống thấm đa năng hệ trộn xi măng 6.7 - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	148.695
414	Sơn	Sơn chống thấm màu hiệu quả 6.77 - Camper	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy số: 3345402730. QCVN 16:2017/BXD đến ngày 26/5/2026		Cty cổ phần Đầu tư đầu khí ĐẠi Việt	Nhà máy Hà Nội - Việt Nam			Nhà phân phối Anh Kiệt (số 59 Hồ Thiện Phó)	172.878
415	Vật liệu khác	Bột trét trong nhà cao cấp	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến 17/11/2024		Công ty TNHH TM - SX JYMEX	Việt Nam			CtyTNHH An Phú Rạch Giá	7.500
416	Vật liệu khác	Bột trét ngoài nhà cao cấp - Sucolour	Kg	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến 17/11/2024		Công ty TNHH TM - SX JYMEX	Việt Nam			CtyTNHH An Phú Rạch Giá	9.545
417	Sơn	Sơn lót chống kiềm trong nhà - Sucolour	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến 17/11/2024		Công ty TNHH TM - SX JYMEX	Việt Nam			CtyTNHH An Phú Rạch Giá	103.500
418	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoài trời - Sucolour	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến 17/11/2024		Công ty TNHH TM - SX JYMEX	Việt Nam			CtyTNHH An Phú Rạch Giá	112.945
419	Sơn	Sơn nước trong nhà 3 IN 1 - Sucolour	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến 17/11/2024		Công ty TNHH TM - SX JYMEX	Việt Nam			CtyTNHH An Phú Rạch Giá	40.166
420	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà - Sucolour	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến 17/11/2024		Công ty TNHH TM - SX JYMEX	Việt Nam			CtyTNHH An Phú Rạch Giá	113.222
421	Sơn	Sơn nước ngoài trời - Sucolour	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến 17/11/2024		Công ty TNHH TM - SX JYMEX	Việt Nam			CtyTNHH An Phú Rạch Giá	106.000
422	Sơn	Sơn bóng cao cấp ngoài trời - Sucolour	Lít	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến 17/11/2024		Công ty TNHH TM - SX JYMEX	Việt Nam			CtyTNHH An Phú Rạch Giá	231.111

Dtoanl.com.vn

423	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất chống thấm - Sky	Kg	GCN hợp quy số: 161;162/2021/DNSX-VLXD. QCVN 16:2019/BXD đến 26/9/2024	Cty Cổ phần Rohler & Paint Việt Nam	Việt Nam					9.181
424	Vật liệu khác	Bột trét nội thất chống thấm - Sky	Kg	GCN hợp quy số: 161;162/2021/DNSX-VLXD. QCVN 16:2019/BXD đến 26/9/2024	Cty Cổ phần Rohler & Paint Việt Nam	Việt Nam					8.145
425	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất - Sky	Lít	GCN hợp quy số: 161;162/2021/DNSX-VLXD. QCVN 16:2019/BXD đến 26/9/2024	Cty Cổ phần Rohler & Paint Việt Nam	Việt Nam					179.817
426	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất - Sky	Lít	GCN hợp quy số: 161;162/2021/DNSX-VLXD. QCVN 16:2019/BXD đến 26/9/2024	Cty Cổ phần Rohler & Paint Việt Nam	Việt Nam					131.100
427	Sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp - Sky	Lít	GCN hợp quy số: 161;162/2021/DNSX-VLXD. QCVN 16:2019/BXD đến 26/9/2024	Cty Cổ phần Rohler & Paint Việt Nam	Việt Nam					106.636
428	Sơn	Sơn mịn ngoại thất - Sky	Lít	GCN hợp quy số: 161;162/2021/DNSX-VLXD. QCVN 16:2019/BXD đến 26/9/2024	Cty Cổ phần Rohler & Paint Việt Nam	Việt Nam					189.227
429	Sơn	Sơn bóng ngoài nhà - Sky	Lít	GCN hợp quy số: 161;162/2021/DNSX-VLXD. QCVN 16:2019/BXD đến 26/9/2024	Cty Cổ phần Rohler & Paint Việt Nam	Việt Nam					246.727
430	Vật liệu khác	Bột trét nội thất AUGUST SOVIE	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024	NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG		8.000
431	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất AUGUST SOVIE	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024	NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG		8.750
432	Vật liệu khác	Bột trét nội thất AUGUST CARGO	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024	NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG		8.000

Dtoan1.com.vn

433	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất AUGUST CARGO	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024		NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG	8.750
434	Sơn	Sơn nội thất kinh tế August Sovie	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024		NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG	47.273
435	Sơn	Sơn ngoại thất kinh tế August Sovie	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024		NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG	109.091
436	Sơn	Sơn nội thất cao cấp Camen Izywash	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024		NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG	109.091
437	Sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng cao cấp Nesta	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024		NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG	145.455
438	Sơn	Sơn nội ngoại thất chống kiềm Platkote	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024		NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG	96.364
439	Sơn	Sơn nội thất kinh tế AUGUST CARGO	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024		NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG	49.800
440	Sơn	Sơn ngoại thất kinh tế AUGUST - SKY	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN đến ngày 09/12/2024		NHÃN HIỆU AUGUST				Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát; DNTN Công Tấn; Cty TNHH Đức Nguyễn KG	110.202
441	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất Nippon Weatherbond Skimcoat	Kg	QCVN 16:2017/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 53-12(NPA1-CNL-2021) đến ngày 30/8/2024		Tập đoàn Nippon Paint	Nippon Paint Việt Nam			CTY TNHH MVT Đại Châu Phát	6.325

Dutoanf1.com.vn

442	Vật liệu khác	Bột trét nội thất Nippon Interior Skimcoat	Kg	QCVN 16:2017/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 53-12(NPA1-CNL-2021) đến ngày 30/8/2024		Tập đoàn Nippon Paint				CTY TNHH MVT Đại Châu Phát	5.375
443	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Interior Sealer	Lít	QCVN 16:2017/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 53-12(NPA1-CNL-2021) đến ngày 30/8/2024		Tập đoàn Nippon Paint				CTY TNHH MVT Đại Châu Phát	52.890
444	Sơn	Sơn phủ nội thất chịu chùi rửa, Nippon Odour-less Chùi Rửa Vượt Trội - màu chuẩn	Lít	QCVN 16:2017/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 53-12(NPA1-CNL-2021) đến ngày 30/8/2024		Tập đoàn Nippon Paint				CTY TNHH MVT Đại Châu Phát	110.000
445	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon Weatherbond Sealer	Lít	QCVN 16:2017/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 53-12(NPA1-CNL-2021) đến ngày 30/8/2024		Tập đoàn Nippon Paint				CTY TNHH MVT Đại Châu Phát	73.890
446	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon Weatherbond Flex	Lít	QCVN 16:2017/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 53-12(NPA1-CNL-2021) đến ngày 30/8/2024		Tập đoàn Nippon Paint				CTY TNHH MVT Đại Châu Phát	140.000
447	Vật liệu khác	Bột trét trong ngoài Goldtex	Kg	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	9.200
448	Vật liệu khác	Bột trét trong ngoài GoldLuck	Kg	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	7.370
449	Vật liệu khác	Bột trét trong ngoài cao cấp GoldSun	Kg	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	10.455

Đoanf1.com.vn

450	Sơn	Sơn kinh tế Goldluck ngoài trời	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	86.900
451	Sơn	Sơn kinh tế Goldluck trong nhà	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	74.800
452	Sơn	Sơn kinh tế Goldtex ngoài trời	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	135.960
453	Sơn	Sơn kinh tế Goldtex trong nhà	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	119.715
454	Sơn	Sơn lót Goldluck chống kiềm	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	83.930
455	Sơn	Sơn lót Goldtex chống kiềm	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	124.545
456	Sơn	Sơn lót cao cấp Goldsun chống kiềm	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	150.909
457	Sơn	Sơn nước cao cấp Goldsun ngoài trời	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	205.455

458	Sơn	Sơn nước cao cấp Goldsun trong nhà	Lít	QCVN 16:2019/BXD Giấy chứng nhận hợp quy số 10782 - QRCM đến ngày 23/01/2026		Nhãn hiệu PETROLIMEX				CTY TNHH Xây Dựng và Kiểm Định Thành Tạo (ĐT: 0918.336.223)	180.909
459	Sơn	Sơn nội thất KENNY SATIN (Bóng cao cấp, chùi rửa)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KENNY - KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	270.000
460	Sơn	Sơn nội thất KENNY LIGHT (Cao cấp, lau chùi)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KENNY - KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	105.000
461	Sơn	Sơn ngoại thất KENNY SHINE (Sơn nước ngoại thất cao cấp)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KENNY - KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	197.000
462	Sơn	Sơn ngoại thất KENNY SHIELD (Bóng cao cấp, chống thấm)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KENNY - KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	324.000
463	Sơn	Sơn chống thấm KENNY LATEX K11 A+	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KENNY - KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	190.000
464	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất cao cấp KENNY ANGEL	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KENNY - KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	101.000

Dutoan1.com.vn

465	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoài trời chất lượng cao KENNY SEALER	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KENNY - KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	127.000
466	Vật liệu khác	Bột trét tường nội & ngoại thất chất lượng cao KENNY BLUE	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KENNY - KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	10.000
467	Vật liệu khác	Bột trét tường nội ngoại thất chất lượng cao KINZO SILVER	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	10.000
468	Sơn	Sơn nước nội thất chất lượng cao KINZO START	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	59.000
469	Sơn	Sơn nước nội thất dễ lau chùi KINZO ESSENCE	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	106.000
470	Sơn	Sơn nước ngoại thất chất lượng cao KINZO STANDARD	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	142.000
471	Sơn	Sơn nước ngoại thất chống thấm KINZO EXTREME	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	247.000

Dutoanft.com.vn

472	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất cao cấp KINZO ALKALI	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	103.000
473	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất cao cấp KINZO ULTRA PRIMER	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN số 16-23 (KEN1-2023); số 05-20 (KEN1-2023) đến ngày 28/5/2026		Nhãn hiệu KINZO				Cty TNHH Sơn Kenny	164.000
474	Vật liệu khác	Bột bả nội ngoại thất ThaiLand NaNo	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	9.500
475	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất ThaiLand NaNo	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	137.000
476	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất ThaiLand NaNo	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	99.000
477	Sơn	Sơn nội thất cao cấp ThaiLand NaNo	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	98.000
478	Sơn	Sơn nội thất bóng cao cấp ThaiLand NaNo	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	185.000
479	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp ThaiLand NaNo	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	131.000

Dutoanxl.com.vn

480	Sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng đặc biệt ThaiLand NaNo	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	215.000
481	Sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp ThaiLand NaNo	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	202.000
482	Sơn	Sơn chống thấm CT-11a pha xi măng	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 230136.PRO.CN23 đến ngày 06/3/2026		SƠN BEST COLOR - THAILAND NANO				Cty TNHH TM Xuân Ngọc Phát.	142.000
483	Vật liệu khác	Bột trét cao cấp nội thất	Kg	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 08/4/2024		NHÃN HIỆU JOTUN					8.000
484	Vật liệu khác	Bột trét cao cấp ngoại thất	Kg	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 08/4/2024		NHÃN HIỆU JOTUN					10.750
485	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội, ngoại thất	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 08/4/2024		NHÃN HIỆU JOTUN					158.000
486	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 08/4/2024		NHÃN HIỆU JOTUN					162.909
487	Sơn	Sơn nước nội thất dễ lau chùi	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 08/4/2024		NHÃN HIỆU JOTUN					182.727
488	Sơn	Sơn nước nội thất che phủ tối đa	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 08/4/2024		NHÃN HIỆU JOTUN					235.455
489	Sơn	Sơn ngoại thất chống rong rêu	Kg	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 08/4/2024		NHÃN HIỆU JOTUN					105.455

Dutoanf1.com.vn

490	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp chống thấm tối ưu	Kg	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 08/4/2024		NHÃN HIỆU JOTUN					184.697
491	Vật liệu khác	Bột trét nội ngoại thất cao cấp (Soft putty for int)	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR TOUCH				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	7.406
492	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất cao cấp (Alkali seal for int)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR TOUCH				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	118.472
493	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất cao cấp (Alkali seal for ext)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR TOUCH				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	165.486
494	Sơn	Sơn nội thất (lika)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR TOUCH				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	79.584
495	Sơn	Sơn nội thất lao chùi hiệu quả (Cleankot)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR TOUCH				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	126.319

Dutoanf1.com.vn

496	Sơn	Sơn nước ngoại thất bóng (Simi)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR TOUCH				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	242.569
497	Sơn	Sơn siêu trắng đặt biệt - Dành riêng cho trần (Special white for ceiling finisd)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR TOUCH				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	72.847
498	Vật liệu khác	Bột trét nội thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR WALCARE				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	7.785
499	Vật liệu khác	Bột trét nội, ngoại thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR WALCARE				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	9.360
500	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR WALCARE				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	68.800
501	Sơn	Sơn nội thất bóng mờ sang trọng (Matt for interior)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR WALCARE				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	60.000

Dutoanf1.com.vn

502	Sơn	Sơn nội thất bóng mờ cao cấp (Low - Sheen for)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR WALCARE				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	113.873
503	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR WALCARE				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	99.918
504	Sơn	Sơn ngoại thất mịn màng (Matt for exterior)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR WALCARE				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	114.782
505	Sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp (Semigloss for exterior)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		NHÃN HIỆU MYKOLOR WALCARE				Cty CP Tư vấn ĐTXD Phát Huy Kiên Giang	174.000
506	Vật liệu khác	Bột bả nội thất cao cấp KOVA VILLA	Kg	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 24/5/2024		NHÃN HIỆU KOVA NANOPRO					7.700
507	Vật liệu khác	Bột bả ngoại thất KOVA VILLA	Kg	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 24/5/2024		NHÃN HIỆU KOVA NANOPRO					11.073
508	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm siêu cao cấp KOVA KV-108	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 24/5/2024		NHÃN HIỆU KOVA NANOPRO					81.859

Dutoanf1.com.vn

509	Sơn	Sơn nội thất cao cấp KOVA SG-168	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 24/5/2024		NHÃN HIỆU KOVA NANOPRO					82.729
510	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA KV-118	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 24/5/2024		NHÃN HIỆU KOVA NANOPRO					113.161
511	Sơn	Sơn ngoại thất chống thấm KOVA SG - 268	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 24/5/2024		NHÃN HIỆU KOVA NANOPRO					171.697
512	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Màu khác	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 24/5/2024		NHÃN HIỆU KOVA NANOPRO					509.336
513	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 (có phản quang)	Lít	GCN Hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 24/5/2024		NHÃN HIỆU KOVA NANOPRO					459.182
514	Sơn	Sơn trần siêu trắng	Lít	GCN GCN QCVN 16:2019/BXD số đến ngày 22/2/2025		NHÃN HIỆU ERUDI				Cty TNHH Minh Thành	93.722
515	Sơn	Sơn nội thất siêu bóng	Lít	GCN GCN QCVN 16:2019/BXD số đến ngày 22/2/2025		NHÃN HIỆU ERUDI				Cty TNHH Minh Thành	174.722
516	Sơn	Sơn nội thất bề mặt mịn	Lít	GCN GCN QCVN 16:2019/BXD số đến ngày 22/2/2025		NHÃN HIỆU ERUDI				Cty TNHH Minh Thành	59.334
517	Sơn	Sơn ngoại thất bóng	Lít	GCN GCN QCVN 16:2019/BXD số đến ngày 22/2/2025		NHÃN HIỆU ERUDI				Cty TNHH Minh Thành	198.945
518	Sơn	Sơn ngoại thất mịn cao cấp	Lít	GCN GCN QCVN 16:2019/BXD số đến ngày 22/2/2025		NHÃN HIỆU ERUDI				Cty TNHH Minh Thành	102.500
519	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12488-QC16.PT5/TTP đến ngày 06/5/2024		SƠN BEST HOUSE THAILAND					77.000

Dtoanft.com.vn

520	Sơn	Sơn bóng nội thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12488-QC16.PTS/TTP đến ngày 06/5/2024		SƠN BEST HOUSE THAILAND					166.000
521	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12488-QC16.PTS/TTP đến ngày 06/5/2024		SƠN BEST HOUSE THAILAND					102.000
522	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội ngoại thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12488-QC16.PTS/TTP đến ngày 06/5/2024		SƠN BEST HOUSE THAILAND					158.000
523	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12488-QC16.PTS/TTP đến ngày 06/5/2024		SƠN BEST HOUSE THAILAND					95.000
524	Vật liệu khác	Bột trét nội ngoại thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12488-QC16.PTS/TTP đến ngày 06/5/2024		SƠN BEST HOUSE THAILAND					11.000
525	Vật liệu khác	Bột trét cao cấp nội thất GAMA	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 220130.PRO.CN22 đến ngày 21/3/2025		SƠN GAMA				Cty TNHH MTV Trang trí nội thất Nam Phát 68	7.455
526	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất cao cấp GAMA	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 220130.PRO.CN22 đến ngày 21/3/2025		SƠN GAMA				Cty TNHH MTV Trang trí nội thất Nam Phát 68	9.205
527	Sơn	Sơn cao cấp nội thất lăng mịn GAMA	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 220130.PRO.CN22 đến ngày 21/3/2025		SƠN GAMA				Cty TNHH MTV Trang trí nội thất Nam Phát 68	44.444

Dutoanxl.com.vn

528	Sơn	Sơn cao cấp ngoại thất lăng mịn GAMA	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 220130.PRO.CN22 đến ngày 21/3/2025	SƠN GAMA				Cty TNHH MTV Trang trí nội thất Nam Phát 68	109.596
529	Sơn	Sơn lót ngoại thất chống kiềm hóa GAMA	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 220130.PRO.CN22 đến ngày 21/3/2025	SƠN GAMA				Cty TNHH MTV Trang trí nội thất Nam Phát 68	167.626
530	Sơn	Sơn cao cấp nội thất bóng 5 in 1 độ bền cao, độ phủ tốt GAMA	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 220130.PRO.CN22 đến ngày 21/3/2025	SƠN GAMA				Cty TNHH MTV Trang trí nội thất Nam Phát 68	207.071
531	Sơn	Sơn cao cấp nội thất trần nhà siêu trắng , siêu sáng GAMA	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 220130.PRO.CN22 đến ngày 21/3/2025	SƠN GAMA				Cty TNHH MTV Trang trí nội thất Nam Phát 68	93.687
532	Sơn	Sơn cao cấp ngoại thất bóng men sứ GAMA	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 220130.PRO.CN22 đến ngày 21/3/2025	SƠN GAMA				Cty TNHH MTV Trang trí nội thất Nam Phát 68	221.869
533	Vật liệu khác	Bột trét nội thất (SM8.88)	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12659 - QC16.PT5.BS1 đến ngày 01/11/2024	SƠN SEMY				Cty TNHH Thương mại dịch vụ ZHOYO	9.455
534	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất (SM8.9)	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12659 - QC16.PT5.BS1 đến ngày 01/11/2024	SƠN SEMY				Cty TNHH Thương mại dịch vụ ZHOYO	9.455
535	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất (Daisy - Primer.Int)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12659 - QC16.PT5.BS1 đến ngày 01/11/2024	SƠN SEMY				Cty TNHH Thương mại dịch vụ ZHOYO	72.536

Dtoan1.com.vn

536	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp (Semy - Primer.Ext)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12659 - QC16.PT5.BS1 đến ngày 01/11/2024		SƠN SEMY				Cty TNHH Thương mại dịch vụ ZHOYO	137.649
537	Sơn	Sơn nội thất lau chùi hiệu quả (Semy - Easy Wash)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12659 - QC16.PT5.BS1 đến ngày 01/11/2024		SƠN SEMY				Cty TNHH Thương mại dịch vụ ZHOYO	122.038
538	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp (Semy - Gold.Ext)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12659 - QC16.PT5.BS1 đến ngày 01/11/2024		SƠN SEMY				Cty TNHH Thương mại dịch vụ ZHOYO	166.115
539	Sơn	Sơn chống thấm trộn xi măng (Semy - CT18)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 21.12659 - QC16.PT5.BS1 đến ngày 01/11/2024		SƠN SEMY				Cty TNHH Thương mại dịch vụ ZHOYO	164.914
540	Vật liệu khác	Bột trét nội thất NERO	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2025		CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	8.750
541	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất NERO	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2025		CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	9.700
542	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Nero Special	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2025		CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	139.000

Dtoanf1.com.vn

543	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Modena Sealer	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2025	CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	148.000
544	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Nero Sealer Plus	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2025	CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	211.222
545	Sơn	Sơn nội thất NERO N8	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2025	CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	70.500
546	Sơn	Sơn nội thất Nero plus interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2026	CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	138.171
547	Sơn	Sơn ngoại thất Nero N9	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2027	CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	149.200
548	Sơn	Sơn ngoại thất Nero plus exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 33-12 (NRP1-CNL-2022) cấp ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2028	CÔNG TY TNHH SƠN NERO				Cửa hàng vật liệu xây dựng Út Lừng	295.885
549	Vật liệu khác	Bột bả nội thất cao cấp	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025	VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	6.290

Dutoanfa.com.vn

550	Vật liệu khác	Bột bả ngoại thất cao cấp	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	7.855
551	Sơn	Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	118.677
552	Sơn	Sơn chống thấm thượng hạng thế hệ mới	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	128.925
553	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	59.615
554	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	79.619
555	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất kinh tế	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	74.281
556	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	95.543

Dutoan1.com.vn

557	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	27.307
558	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất thượng hạng	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	57.774
559	Sơn	Sơn siêu trắng trần cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	71.305
560	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	72.225
561	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất thượng hạng	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 22.12552-QC16.5/TTP từ ngày 16/11/2022 đến ngày 15/11/2025		VNMAX				DNTN Thép Gia Đạt (Nhà phân phối sơn Gia Đạt); Cty Cổ phần Quốc tế AIG	155.342
562	Sơn	Bột trét nội thất Terramit super interior	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 85-15 (TRC01-2022) từ ngày 17/05/2022 đến ngày 16/05/2025		SƠN TERRACO				Cty TNHH Thương Mại Đại Hoàng	7.273
563	Sơn	Bột trét ngoại thất Terramit super exterior	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 85-15 (TRC01-2022) từ ngày 17/05/2022 đến ngày 16/05/2025		SƠN TERRACO				Cty TNHH Thương Mại Đại Hoàng	9.091

Dutoanf1.com.vn

564	Sơn	Sơn lót chống kiềm Penetrating prime (White)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 85-15 (TRC01-2022) từ ngày 17/05/2022 đến ngày 16/05/2025		SƠN TERRACO				Cty TNHH Thương Mại Đại Hoàng	72.727
565	Sơn	Sơn lót chống kiềm Teeraprime super	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 85-15 (TRC01-2022) từ ngày 17/05/2022 đến ngày 16/05/2025		SƠN TERRACO				Cty TNHH Thương Mại Đại Hoàng	109.091
566	Sơn	Sơn nội thất Terramat	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 85-15 (TRC01-2022) từ ngày 17/05/2022 đến ngày 16/05/2025		SƠN TERRACO				Cty TNHH Thương Mại Đại Hoàng	54.545
567	Sơn	Sơn nội thất Terralast (White)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 85-15 (TRC01-2022) từ ngày 17/05/2022 đến ngày 16/05/2025		SƠN TERRACO				Cty TNHH Thương Mại Đại Hoàng	86.364
568	Sơn	Sơn ngoại thất Maxlux (White)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 85-15 (TRC01-2022) từ ngày 17/05/2022 đến ngày 16/05/2025		SƠN TERRACO				Cty TNHH Thương Mại Đại Hoàng	109.091
569	Sơn	Sơn ngoại thất Terrashield (White)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ 85-15 (TRC01-2022) từ ngày 17/05/2022 đến ngày 16/05/2025		SƠN TERRACO				Cty TNHH Thương Mại Đại Hoàng	131.818
570	Vật liệu khác	Bột trét nội, ngoại thất cao cấp	Kg	Cty TNHH Trường Kiều Phát QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ TQC.5.3209 đến ngày 06/11/2024		SƠN ABBA				Cty TNHH Trường Kiều Phát	6.477

Dutoan1.com.vn

571	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội, ngoại thất	Kg	Cty TNHH Trường Kiều Phát QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ TQC.5.3209 đến ngày 06/11/2024		SƠN ABBA				Cty TNHH Trường Kiều Phát	61.964
572	Sơn	Sơn nội thất	Lít	Cty TNHH Trường Kiều Phát QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ TQC.5.3209 đến ngày 06/11/2024		SƠN ABBA				Cty TNHH Trường Kiều Phát	31.244
573	Sơn	Sơn ngoại thất	Lít	Cty TNHH Trường Kiều Phát QCVN 16:2019/BXD GCN HQ SỐ TQC.5.3209 đến ngày 06/11/2024		SƠN ABBA				Cty TNHH Trường Kiều Phát	72.800
574	Vật liệu khác	Bột trét nội thất Santio	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		SƠN TITO				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	7.727
575	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất Santio	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		SƠN TITO				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	9.545
576	Sơn	Sơn lót kháng kiềm kinh tế Ckprimer 9800	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		SƠN TITO				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	130.000
577	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Intino	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		SƠN TITO				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	57.273
578	Sơn	Sơn nội thất lau chùi hiệu quả Smartlite	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		SƠN TITO				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	118.182
579	Sơn	Sơn ngoại thất kinh tế Solite - SI62	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		SƠN TITO				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	127.273

Dutoan1.com.vn

580	Sơn	Sơn ngoại thất bảo vệ ngoài trời Ninoguard	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		SƠN TITO				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	172.727
581	Sơn	Sơn chống thấm đa năng (Có cát) Nino - CT 11A	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		SƠN TITO				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	189.091
582	Vật liệu khác	Bột trét nội thất Soliny	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		Sơn SOLITE				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	7.727
583	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất Soliny	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		Sơn SOLITE				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	9.545
584	Sơn	Sơn lót kháng kiềm kinh tế S6000	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		Sơn SOLITE				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	130.000
585	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Soliny	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		Sơn SOLITE				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	57.273
586	Sơn	Sơn nội thất lau chùi hiệu quả Solimax	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		Sơn SOLITE				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	118.182
587	Sơn	Sơn ngoại thất kinh tế Solipear	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		Sơn SOLITE				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	127.273
588	Sơn	Sơn ngoại thất bảo vệ ngoài trời Solimax	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		Sơn SOLITE				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	172.727
589	Sơn	Sơn chống thấm đa năng (Có cát) Nino - CT 11A	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ đến ngày 08/07/2025		Sơn SOLITE				Cty TNHH SƠN SANQ TITO	189.091

Vatoanft.com.vn

590	Vật liệu khác	Bột trét nội thất A500 (Dulux professional, putty A500)	Kg	QCVN 08:2020/BCT. GCN HQ số 01-23 (AZNB3-MR1-20223 đến ngày 12/01/2026		Sơn hiệu DULUX				Cty TNHH AKZONOBEL VIỆT NAM	10.057
591	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất E700 (Dulux professional, putty E700)	Kg	QCVN 08:2020/BCT. GCN HQ số 01-23 (AZNB3-MR1-20223 đến ngày 12/01/2026		Sơn hiệu DULUX				Cty TNHH AKZONOBEL VIỆT NAM	12.578
592	Sơn	Sơn lót nội thất A300 (Dulux professional, interior sealer A300)	Lít	QCVN 08:2020/BCT. GCN HQ số 01-23 (AZNB3-MR1-20223 đến ngày 12/01/2026		Sơn hiệu DULUX				Cty TNHH AKZONOBEL VIỆT NAM	67.820
593	Sơn	Sơn lót ngoại thất E500 (Dulux professional, exterior sealer E500)	Lít	QCVN 08:2020/BCT. GCN HQ số 01-23 (AZNB3-MR1-20223 đến ngày 12/01/2026		Sơn hiệu DULUX				Cty TNHH AKZONOBEL VIỆT NAM	114.961
594	Sơn	Sơn nội thất A390	Lít	QCVN 08:2020/BCT. GCN HQ số 01-23 (AZNB3-MR1-20223 đến ngày 12/01/2026		Sơn hiệu DULUX				Cty TNHH AKZONOBEL VIỆT NAM	55.305
595	Sơn	Sơn nội thất lau chùi (Dulux professional, interior cleanable)	Lít	QCVN 08:2020/BCT. GCN HQ số 01-23 (AZNB3-MR1-20223 đến ngày 12/01/2026		Sơn hiệu DULUX				Cty TNHH AKZONOBEL VIỆT NAM	98.631
596	Sơn	Sơn ngoại thất E500	Lít	QCVN 08:2020/BCT. GCN HQ số 01-23 (AZNB3-MR1-20223 đến ngày 12/01/2026		Sơn hiệu DULUX				Cty TNHH AKZONOBEL VIỆT NAM	105.068

Dutoanfl.com.vn

597	Sơn	Sơn ngoại thất (Dulux professional Weathershield Express)	Lít	QCVN 08:2020/BCT. GCN HQ số 01-23 (AZNB3-MR1-20223 đến ngày 12/01/2026		Sơn hiệu DULUX				Cty TNHH AKZONOBEL VIỆT NAM	309.409
598	Vật liệu khác	Bột trét nội, ngoại thất expo	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	8.800
599	Vật liệu khác	Chống thấm sân mái Suporseal	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	93.500
600	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	80.000
601	Sơn	Sơn nước nội thất expo easy for interior tint	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	52.000
602	Sơn	Sơn nước nội thất expo shine for interior tint	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	117.000

Dtoanf1.com.vn

603	Sơn	Sơn nước pha máy nội thất expo easy for interior tint	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	57.000
604	Sơn	Sơn nước pha máy nội thất expo satin 6+1	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	150.000
605	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	91.000
606	Sơn	Sơn nước ngoại thất expo easy for exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	87.200
607	Sơn	Sơn nước ngoại thất expo satin 6+1	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	175.000
608	Sơn	Sơn nước pha máy ngoại thất expo shine for exterior tint	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	163.500

Dtoanf1.com.vn

609	Sơn	Sơn nước pha máy ngoại thất expo rainkote tint	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 119/2023/DNSX-VLXD; 120/2023/DNSX-VLXD đến ngày 30/7/2026		EXPO				Cty TNHH Xây dựng Hoàng Tân Phát	109.500
610	Sơn	Sơn Zenature Premium nội thất trắng	Lít	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022	SƠN VÀ BỘT BẢ SINH THÁI	INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	146.610
611	Sơn	Sơn Zenature Premium nội thất màu	Lít	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	187.110
612	Sơn	Sơn Grafelean Premium nội thất, ngoại thất trắng	Lít	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	236.250
613	Sơn	Sơn Grafelean Premium nội thất, ngoại thất màu	Lít	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	255.150
614	Sơn	Sơn Biosphere Premium GCS Exterior Premium nội thất trắng	Lít	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	346.000
615	Sơn	Sơn Biosphere Premium GCS Exterior Premium nội thất màu	Lít	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	406.000

Dutoan.com.vn

616	Sơn	Sơn Biosphere Premium GCS Exterior Premium ngoại thất trắng	Lít	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	406.000
617	Sơn	Sơn Biosphere Premium GCS Exterior Premium ngoại thất màu	Lít	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	434.000
618	Vật liệu khác	Bột bả sinh thái EcoPutty nội thất	Kg	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	9.275
619	Vật liệu khác	Bột bả sinh thái EcoPutty ngoại thất	Kg	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	10.550
620	Vật liệu khác	Bột bả Eco Putty Nội - Ngoại thất cao cấp	Kg	TCVN 8652:2012; QCVN 16:2019/BXD; GCN HQ số: 3332839820 cấp ngày 27/4/2022		INDUSTRIA ESPANOLA PARA EL DESARROLLO E INVESTIGACION 2100 S.A	Tây Ban Nha			Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	11.960
621	Vật liệu khác	Bột trét nội thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	7.600
622	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	9.200

Dutoan1.com.vn

623	Sơn	Sơn lót nội thất Gildden Alkali Primer	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	80.886
624	Sơn	Sơn nội thất Gildden Polysic	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	48.000
625	Sơn	Sơn nội thất Gildden Super White	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	138.366
626	Sơn	Sơn nội thất Gildden Nano Protect-New	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	169.667
627	Sơn	Sơn nội thất Gildden Roman Gloss	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	219.091
628	Sơn	Sơn lót ngoại thất Gildden Primer Nano	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	139.606

Đấu thầu f1.com.vn

629	Sơn	Sơn ngoại thất Gildden Nano Pro	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	116.262
630	Sơn	Sơn ngoại thất Gildden Weather Blocking	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	259.697
631	Sơn	Sơn ngoại thất Gildden 11A - Waterproof	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.02 đến ngày 03/7/2026		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	142.242
632	Sơn	Sơn ngoại thất Gildden - Santex - US	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số:230572.PRO.CN23.01 và 230572.PRO.CN23.0		SƠN GILDDEN				Cty TNHH MTV Bảo Ngọc Blue Rose (ĐT: 0983923933)	239.394
633	Vật liệu khác	Bột trét nội thất Metton	Kg	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	6.795
634	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất Metton	Kg	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	8.932
635	Sơn	Sơn lót nội thất Prosin	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	93.939
636	Sơn	Sơn lót ngoại thất Pros	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	158.081

Dutoanf1.com.vn

637	Sơn	Sơn nước nội thất Accord	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	65.859
638	Sơn	Sơn nước nội thất Newfa	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	96.667
639	Sơn	Sơn nước nội thất cao cấp West (bóng)	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	177.273
640	Sơn	Sơn nước ngoại thất Atom Super	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	146.364
641	Sơn	Sơn nước ngoại thất Jony	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	210.707
642	Sơn	Sơn chống thấm gốc nước CT-J-555	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	236.182
643	Vật liệu khác	Keo dán gạch Joton BS.1	Kg	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1387, mã số 1387-22-11/1 đến ngày 21/02/2025		SƠN JOTON PAINT				Cty Cổ Phần L.Q JOTON	13.036
644	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất Onip D'accor Mastic	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 48-13(SON5-CNL-2022) đến ngày 22/2/2025		SƠN ONIP				Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	6.325
645	Vật liệu khác	Bột trét nội thất Onip D'accor Mastic	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 48-13(SON5-CNL-2022) đến ngày 22/2/2025		SƠN ONIP				Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	5.375

Dutoanfl.com.vn

646	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Onip Plus	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 48-13(SON5-CNL-2022) đến ngày 22/2/2025		SƠN ONIP				Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	110.000
647	Sơn	Sơn lót nội ngoại thất Onip Fly Primer	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 48-13(SON5-CNL-2022) đến ngày 22/2/2025		SƠN ONIP				Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	73.890
648	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Onip RS	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 48-13(SON5-CNL-2022) đến ngày 22/2/2025		SƠN ONIP				Theo báo giá tháng 03/2024 của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	140.000
649	Vật liệu khác	Bột trét nội thất Falko mastic	Kg	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 23.19468-BM.AP (Ver.01) đến ngày 11/07/2026		SƠN RISEN				Cty TNHH Dịch Vụ Xây Dựng Bảo An Kiên Giang	8.650
650	Vật liệu khác	Bột trét ngoại thất Falko mastic	Kg	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 23.19468-BM.AP (Ver.01) đến ngày 11/07/2026		SƠN RISEN				Cty TNHH Dịch Vụ Xây Dựng Bảo An Kiên Giang	6.900
651	Sơn	Sơn lót cao cấp trong và ngoài nhà Falko Sealer	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 23.19468-BM.AP (Ver.01) đến ngày 11/07/2026		SƠN RISEN				Cty TNHH Dịch Vụ Xây Dựng Bảo An Kiên Giang	92.000
652	Sơn	Sơn chống thấm cao cấp trong và ngoài nhà SupperGuard CT12-A	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 23.19468-BM.AP (Ver.01) đến ngày 11/07/2026		SƠN RISEN				Cty TNHH Dịch Vụ Xây Dựng Bảo An Kiên Giang	190.000

Dtoan1.com.vn

653	Sơn	Sơn cao cấp trong nhà Falko Eco	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 23 19468-BM.AP (Ver.01) đến ngày 11/07/2026		SƠN RISEN				Cty TNHH Dịch Vụ Xây Dựng Bảo An Kiên Giang	85.500
654	Sơn	Sơn cao cấp trong nhà Risen Light	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 23.19468-BM.AP (Ver.01) đến ngày 11/07/2026		SƠN RISEN				Cty TNHH Dịch Vụ Xây Dựng Bảo An Kiên Giang	106.000
655	Sơn	Sơn cao cấp ngoài nhà Falko	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 23.19468-BM.AP (Ver.01) đến ngày 11/07/2026		SƠN RISEN				Cty TNHH Dịch Vụ Xây Dựng Bảo An Kiên Giang	112.000
656	Sơn	Sơn cao cấp ngoài nhà Risen Sun	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 23.19468-BM.AP (Ver.01) đến ngày 11/07/2026		SƠN RISEN				Cty TNHH Dịch Vụ Xây Dựng Bảo An Kiên Giang	188.000
657	Vật liệu khác	Bột trét nội thất Orisun	Kg	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 230880.QMS.CN23 đến ngày 19/09/2026		SƠN ORISUN				Công ty Cổ phần Khánh Hà ViNa	10.500
658	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp (thùng 18L)	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 230880.QMS.CN23 đến ngày 19/09/2026		SƠN ORISUN				Công ty Cổ phần Khánh Hà ViNa	120.833
659	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp (thùng 18L)	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 230880.QMS.CN23 đến ngày 19/09/2026		SƠN ORISUN				Công ty Cổ phần Khánh Hà ViNa	137.500
660	Sơn	Sơn nội thất cao cấp (thùng 18L)	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 230880.QMS.CN23 đến ngày 19/09/2026		SƠN ORISUN				Công ty Cổ phần Khánh Hà ViNa	52.778

Dutoan1.com.vn

661	Sơn	Sơn nội thất lao chùi hiệu quả (thùng 18L)	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 230880.QMS.CN23 đến ngày 19/09/2026		SƠN ORISUN				Công ty Cổ phần Khánh Hà ViNa	161.111
662	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp (thùng 18L)	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 230880.QMS.CN23 đến ngày 19/09/2026		SƠN ORISUN				Công ty Cổ phần Khánh Hà ViNa	123.056
663	Sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp (thùng 18L)	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 230880.QMS.CN23 đến ngày 19/09/2026		SƠN ORISUN				Công ty Cổ phần Khánh Hà ViNa	226.389
664	Sơn	Chống thấm xi măng CT11 cao cấp (chống thấm tường, sàn hiệu quả cao, co dãn tốt, độ bền cao) - Thùng 18L	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 230880.QMS.CN23 đến ngày 19/09/2026		SƠN ORISUN				Công ty Cổ phần Khánh Hà ViNa	159.722
665	Vật liệu khác	Bột bả nội thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1507.HQ5.AQC đến ngày 17/12/2026		SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	9.250
666	Vật liệu khác	Bột bả ngoại thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1507.HQ5.AQC đến ngày 17/12/2026		SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	10.250
667	Sơn	Sơn kiềm nội thất - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN HQ số 1507.HQ5.AQC đến ngày 17/12/2026		SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	107.600
668	Sơn	Sơn kiềm ngoại thất - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN		SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	139.543
669	Sơn	Sơn nội thất cao cấp - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN		SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	42.000
670	Sơn	Sơn siêu trắng trần - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN		SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	68.229

Dutoanf1.com.vn

671	Sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN	SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	67.745
672	Sơn	Sơn nội thất lao chùi hiệu quả -Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN	SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	126.514
673	Sơn	Sơn bóng nội thất cao cấp - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN	SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	199.831
674	Sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN	SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	125.454
675	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN	SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	222.189
676	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN	SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	171.168
677	Sơn	Sơn chống thấm màu - Manda	Lít	QCVN 16:2019/BXD.GCN	SƠN MANDA PAINT VIỆT NAM				Nhà Phân Phối Thanh Long	211.147
678	Vật liệu khác	Bột bả nội, ngoại thất - JYMEC	Kg	QCVN 16:2019/BXD. TCVN 7239:2014; GCN HQ QC 6538	Cty cổ phần sơn JYMEC Việt Nam	Việt Nam			Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát (ĐT: 084 4242 111)	12.730
679	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất - JYMEC	Lít	QCVN 16:2019/BXD. TCVN 8652:2020; GCN HQ QC 6538	Cty cổ phần sơn JYMEC Việt Nam	Việt Nam			Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát (ĐT: 084 4242 111)	104.540
680	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất - JYMEC	Lít	QCVN 16:2019/BXD. TCVN 8652:2020; GCN HQ QC 6538	Cty cổ phần sơn JYMEC Việt Nam	Việt Nam			Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát (ĐT: 084 4242 111)	140.100
681	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi - JYMEC	Lít	QCVN 16:2019/BXD. TCVN 8652:2020; GCN HQ QC 6538	Cty cổ phần sơn JYMEC Việt Nam	Việt Nam			Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát (ĐT: 084 4242 111)	148.000
682	Sơn	Sơn bóng ngoại thất - JYMEC	Lít	QCVN 16:2019/BXD. TCVN 8652:2020; GCN HQ QC 6538 mã số 6538-23-01/00 đến ngày 30/11/2027	Cty cổ phần sơn JYMEC Việt Nam	Việt Nam			Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát (ĐT: 084 4242 111)	242.880
683	Sơn	Sơn chống thấm đa năng - JYMEC	Lít	QCVN 16:2019/BXD. TCVN 8652:2020; GCN HQ QC 6538 mã số 6538-23-01/00 đến ngày 30/11/2027	Cty cổ phần sơn JYMEC Việt Nam	Việt Nam			Cty TNHH Phú Gia Hưng Phát (ĐT: 084 4242 111)	210.340

Dutoanf.com.vn

684	Vật liệu khác	Bột trét tường nội ngoại thất (40kg) - EcoSkimcoat for All	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					13.000
685	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất (thùng 18L) - Primer For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					162.929
686	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất siêu hạng (thùng 18L) - Eco-Green Primer	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					196.919
687	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất siêu hạng (thùng 18L) - Primer Sealer 1035	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					230.303
688	Sơn	Sơn nội thất bóng mờ (thùng 18L) - Idecor 3	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					108.485
689	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi (thùng 18L) - Idecor 5	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					214.040

Dtoanf1.com.vn

690	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa (thùng 18L) - Idecor 7	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					302.525
691	Sơn	Sơn ngoại thất mờ (thùng 18L) X- shield (White)	Lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					230.303
692	Sơn	Sơn ngoại thất bóng (thùng 18L) X-shield 6 (White)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số 170/2023/DNSX-VLXD đến ngày 08/10/2026		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					353.030
693	Sơn	Sơn ngoại thất bảo vệ tối đa (thùng 18L) X-shield 8 (White)	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 169/2023/DNSX-VLXD và số		Cty TNHH Sơn Kansai - Việt Nam					423.333
694	Vật liệu khác	Bột bả cao cấp dùng trong nhà - Putin	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	9.932
695	Vật liệu khác	Bột bả cao cấp dùng ngoài nhà - Putin	Kg	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	13.159

Dtoanft.com.vn

696	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất (V6.6No) - Putin -Primer.int	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	118.181
697	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất (V6.6NG) - Putin -Primer.ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	152.525
698	Sơn	Sơn nội thất cao cấp (V6.1) - Putin - Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	46.869
699	Sơn	Sơn bóng nội thất cao cấp (V6.5No) - Putin - In Flat	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	192.222
700	Sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp (V6.4) - Putin - Gold.Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	115.454
701	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp (V6.10NG) - Putin - Allin one	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	272.222

Dutoanf1.com.vn

702	Sơn	Sơn chống thấm đa năng (V6.7) - Putin - Waterprppf	Lít	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số 231344.PRO.CN23.01 và 231344.PRO.CN23.02 đến ngày 05/10/2026		Cty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Bắc Việt	Việt Nam			Tổng Kho Việt Thái	179.091
703	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line (Khung phổ thông), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	110.000
704	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line (Khung phổ thông), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	125.000
705	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng khung INOX Apec Line (Khung cao cấp), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	165.000
706	Trần, vách thạch cao	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng khung INOX Apec Line (Khung cao cấp), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	150.000
707	Trần, vách thạch cao	Khung trần chìm đồng dạng Vạn Phát Hưng M29, tấm thạch cao GS/Knauf/Boral tiêu chuẩn 9mm	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	101.000
708	Trần, vách thạch cao	Khung trần chìm đồng dạng Vạn Phát Hưng M29, tấm thạch cao GS/Knauf/Boral chống ẩm 9mm	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	128.000
709	Trần, vách thạch cao	Khung trần chìm INOX X7 Vạn Phát Hưng, Tấm thạch cao GS/Knauf/Boral chống ẩm 9mm	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	165.000
710	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm Alu strong lay-in 600x600 (mm), khung xương tiêu chuẩn, ty treo ren 8mm và các phụ kiện kèm theo	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	480.000
711	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm Alu strong clip-in 600x600 (mm), khung xương tiêu chuẩn, ty treo ren 8mm và các phụ kiện kèm theo	M2					Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng		Cty Cổ phần Công Nghiệp Vạn Phát Hưng	580.000
712	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vĩnh Tường ToplimeX, tấm thạch cao Vĩnh Tường Deco Plus Siêu trắng 9mm	M2	QCVN 16: 2019 BXD		Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam			Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng	183.923

Dutoanf1.com.vn

713	Vật liệu khác	Khung trần chìm đồng dạng Alpha, tấm thạch cao tiêu chuẩn ProX 9mm	M2	QCVN 16: 2019 BXD		Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam			Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng	144.045
714	Vật liệu khác	Khung trần chìm đồng dạng Alpha, tấm thạch cao Gyproc siêu chịu ẩm 9mm	M2	QCVN 16: 2019 BXD		Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam			Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng	150.419
715	Vật liệu khác	Khung trần chìm hệ xương cá BasiPlus, tấm thạch cao Gyproc siêu chịu ẩm 9mm	M2	QCVN 16: 2019 BXD		Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam			Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng	149.982
716	Vật liệu khác	Khung trần chìm hệ xương cá BasiPlus, tấm thạch cao tiêu chuẩn ProX 9mm	M2	QCVN 16: 2019 BXD		Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam			Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng	143.608
717	Vật liệu khác	Khung vách VT V-Wall C75/76, tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 12,5mm	M2	QCVN 16: 2019 BXD		Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam			Giá chưa bao gồm: Chi phí nhân công, máy móc, thiết bị lắp dựng	316.361
718	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính, kính an toàn 6,38mm (KT 1m x 1m)	M2	Hệ Aisawindow - Profile Eurowindow	Cửa nhựa lõi thép	Cty Cổ phần Eurowindow					2.847.805
719	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt, kính an toàn 6,38mm, KT 1,4m x 1,4m (bao gồm khóa bấm, con lăn)	M2	Hệ Aisawindow - Profile Eurowindow	Cửa nhựa lõi thép	Cty Cổ phần Eurowindow					3.570.650
720	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay vào trong, kính an toàn 6,38mm, KT 1,4m x 1,4m (bao gồm khóa đa điểm, tay nắm, bản lề chữ A, chốt liền)	M2	Hệ Aisawindow - Profile Eurowindow	Cửa nhựa lõi thép	Cty Cổ phần Eurowindow					3.946.831
721	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh (2 cánh trượt, 2 cánh cố định), kính 6,38mm, KT 2,4x1,4m (bao gồm khóa đa điểm, tay gạt, con lăn)	M2	Hệ Aisawindow - Profile Eurowindow	Cửa nhựa lõi thép	Cty Cổ phần Eurowindow					3.565.927
722	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay vào trong, kính an toàn 6,38mm, KT 0,7x1,4m (bao gồm khóa đa điểm, tay nắm, bản lề chữ A, chốt liền)	M2	Hệ Aisawindow - Profile Eurowindow	Cửa nhựa lõi thép	Cty Cổ phần Eurowindow					4.161.598
723	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở trượt, kính an toàn 6,38mm, KT 1,8x2,2m (bao gồm khóa đa điểm có khóa, tay nắm, con lăn, ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn - Winkhaus	M2	Hệ Aisawindow - Profile Eurowindow	Cửa nhựa lõi thép	Cty Cổ phần Eurowindow					2.949.205

Dutoan1.com.vn

724	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh (2 cánh trược, 2 cánh cố định), kính an toàn 6,38mm, KT 3,2x2,2m (bao gồm khóa đa điểm có khóa, tay nắm, con lăn, ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn - Winkhaus)	M2	Hệ Aisawindow - Profile Eurowindow	Cửa nhựa lõi thép	Cty Cổ phần Eurowindow					2.691.005
725	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính nhôm, kính an toàn 6,38mm KT 1x1m (sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẫn bóng bảo hành 5 năm)	M2	Hệ cửa nhôm Eurowindow EA55	Cửa nhôm	Cty Cổ phần Eurowindow					3.799.395
726	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay vào trong, kính an toàn 6,38mm KT 0,7x1,2m, bộ PKKK (sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẫn bóng bảo hành 5 năm)	M2	Hệ cửa nhôm Eurowindow EA56	Cửa nhôm	Cty Cổ phần Eurowindow					5.248.593
727	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay vào trong, kính an toàn 6,38mm KT 1,4x1,4m, bộ PKKK (sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẫn bóng bảo hành 5 năm)	M2	Hệ cửa nhôm Eurowindow EA57	Cửa nhôm	Cty Cổ phần Eurowindow					5.832.521
728	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh (2 cánh trượt + 2 cánh cố định), kính an toàn 6,38mm KT 3,8x1,5m, bộ PKKK (sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẫn bóng bảo hành 5 năm)	M2	Hệ cửa nhôm Eurowindow EA58	Cửa nhôm	Cty Cổ phần Eurowindow					3.662.575
729	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay, kính an toàn 6,38mm, KT 0,9x2,2m, bộ PKKK (sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẫn bóng bảo hành 5 năm)	M2	Hệ cửa nhôm Eurowindow EA59	Cửa nhôm	Cty Cổ phần Eurowindow					5.905.108
730	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay, kính an toàn 6,38mm, KT 1,6x2,2m, bộ PKKK (sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẫn bóng bảo hành 5 năm)	M2	Hệ cửa nhôm Eurowindow EA60	Cửa nhôm	Cty Cổ phần Eurowindow					3.582.465
731	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh (2 cánh trượt + 2 cánh cố định), kính an toàn 6,38mm, KT 3,2x2,2m, bộ PKKK (sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẫn bóng bảo hành 5 năm)	M2	Hệ cửa nhôm Eurowindow EA61	Cửa nhôm	Cty Cổ phần Eurowindow					3.331.339
732	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính KT: 1m x 1m, kính trắng 8mm cường lực	M2		Cửa nhôm Tilawindow (thanh nhôm Xingfa Namsung;	Cty TNHH XD và DV Tila (TP Cần Thơ)					1.950.000

Dutoanfl.com.vn

733	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh KT: 1,4m x 1,4m, PK: khoá bán nguyệt, bánh xe, kính trắng 8mm cường lực	M2		Cửa nhôm Tilawindow (thanh nhôm Xingfa Namsung; Phụ kiện Janus	Cty TNHH XD và DV Tila (TP Cần Thơ)					2.640.000
734	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay/bật KT: 1,4m x 1,4m, PK: khóa đa điểm, bản lề chữ A, kính trắng 8mm cường lực	M2		Cửa nhôm Tilawindow (thanh nhôm Xingfa Namsung; Phụ kiện Janus	Cty TNHH XD và DV Tila (TP Cần Thơ)					3.000.000
735	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1/2/4 cánh mở quay PK: khóa đơn điểm, bản lề 3D, kính trắng 8mm cường lực	M2		Cửa nhôm Tilawindow (thanh nhôm Xingfa Namsung; Phụ kiện Janus (Đức); kính Chu Lai/Bình Dương;	Cty TNHH XD và DV Tila (TP Cần Thơ)					3.100.000
736	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi thép chống cháy EI60 mở 1 chiều: thép khung dày 1,2mm, thép cánh dày 0,7mm, cánh dày 48mm, lõi chống cháy 60 phút, hệ khung 100x45, sơn tĩnh điện hoàn thiện 1 màu, có sill inox, không ô kính	M2		Cửa thép chống cháy Tilawindow	Cty TNHH XD và DV Tila (TP Cần Thơ)					5.890.000
737	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi thép chống cháy EI90 mở 1 chiều: thép khung dày 1,2mm, thép cánh dày 0,8mm, cánh dày 48mm, lõi chống cháy 90 phút, hệ khung 100x45, sơn tĩnh điện hoàn thiện 1 màu, có sill inox, không ô kính	M2		Cửa thép chống cháy Tilawindow	Cty TNHH XD và DV Tila (TP Cần Thơ)					6.150.000
738	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi thép chống cháy EI70 mở 2 chiều: thép khung dày 1,2mm, thép cánh dày 0,8mm, cánh dày 48mm, lõi chống cháy 70 phút, hệ khung 100x45, sơn tĩnh điện hoàn thiện 1 màu, không ô kính	M2		Cửa thép chống cháy Tilawindow	Cty TNHH XD và DV Tila (TP Cần Thơ)					8.790.000
739	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay chia đố	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa lõi thép KGWINDOW					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	4.000.000
740	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa lõi thép KGWINDOW					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	3.500.000
741	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa lõi thép KGWINDOW					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	3.000.000

Dutoanf1.com.vn

742	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở lùa	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa lõi thép KGWINDOW					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	2.500.000
743	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa lõi thép KGWINDOW					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	2.000.000
744	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 đến 2 cánh mở quay	M2	Thanh nhôm Xingfa, phụ kiện Kinlong, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm XINGFA					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	2.940.000
745	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay	M2	Thanh nhôm Xingfa, phụ kiện Kinlong, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm XINGFA					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	2.730.000
746	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở lùa	M2	Thanh nhôm Xingfa, phụ kiện Kinlong, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm XINGFA					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	2.730.000
747	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất	M2	Thanh nhôm Xingfa, phụ kiện Kinlong, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm XINGFA					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	2.800.000
748	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định	M2	Thanh nhôm Xingfa, phụ kiện Kinlong, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm XINGFA					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	1.750.000
749	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 đến 2 cánh mở quay	M2	Thanh nhôm Tungshin hệ 700, phụ kiện kèm theo, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm TUNGSHIN					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	1.350.000
750	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở lùa	M2	Thanh nhôm Tungshin hệ 700, phụ kiện kèm theo, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm TUNGSHIN					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	1.155.000

Dtoan1.com.vn

751	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất	M2	Thanh nhôm Tungshin hệ 700, phụ kiện kèm theo, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm TUNGSHIN					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	1.350.000
752	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định	M2	Thanh nhôm Tungshin hệ 700, phụ kiện kèm theo, kính trắng 5mm cường lực	Cửa nhôm TUNGSHIN					Cty TNHH MTV Xuân Trường Phát Lộc	900.000
753	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh, 2 cánh mở quay	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa SPARLEE						2.800.000
754	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa SPARLEE						2.450.000
755	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở lùa	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa SPARLEE						2.100.000
756	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa SPARLEE						1.750.000
757	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính cố định	M2	Thanh nhựa Sparlee, Phụ kiện GQ, Kính trắng 5mm cường lực, Lõi thép dày 1,2 - 1,4mm.	Cửa nhựa SPARLEE						1.400.000
758	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi có khung bảo vệ khung nhôm Taiwan C100 dày 1,1 ly, kính cường lực 8ly	M2		Cửa nhôm TAIWAN					Theo báo giá của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	3.078.460
759	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi + Vách kính có cửa đi khung nhôm Taiwan C100 dày 1,1 ly, kính cường lực 8ly	M2		Cửa nhôm TAIWAN					Theo báo giá của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	2.551.120
760	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi + Vách kính có cửa đi khung nhôm Taiwan C70 dày 1,0 ly, kính cường lực 5ly	M2		Cửa nhôm TAIWAN					Theo báo giá của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	2.030.600
761	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa tủ điện nhôm Taiwan C70 dày 1,0ly, kính cường lực 5ly	M2		Cửa nhôm TAIWAN					Theo báo giá của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.876.545

Dotpanf1.com.vn

762	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa + Vách kính có cửa sổ lùa khung nhôm C500 độ dày 0,9 ly kính suốt 5ly cường lực	M2		Cửa nhôm TAIWAN					Theo báo giá của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.533.125
763	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ quay/bật + Vách kính có cửa sổ bật khung nhôm C500 độ dày 1,0 ly kính suốt 5ly cường lực	M2		Cửa nhôm TAIWAN					Theo báo giá của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	1.876.545
764	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ quay/bật + Vách kính có cửa sổ bật khung nhôm C700 độ dày 1,0 ly kính suốt 5ly cường lực	M2		Cửa nhôm TAIWAN					Theo báo giá của Cty CP VLXD CIC Thắng Anh	2.018.819
765	Cửa khung nhựa/nhôm	Hệ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đố giữa/ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,2mm. Kính trắng Công nghiệp Hạ Long - CFG dày 5mm	M2	Cửa nhôm Nam Sung - Hàng hệ		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung					2.230.000
766	Cửa khung nhựa/nhôm	Hệ NS-55: Cửa sổ mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,2mm. Kính trắng Công nghiệp Hạ Long - CFG dày 5mm	M2	Cửa nhôm Nam Sung - Hàng hệ		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung					2.150.000
767	Cửa khung nhựa/nhôm	Hệ NS-55: Vách kính/khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,2mm. Kính trắng Công nghiệp Hạ Long - CFG dày 5mm	M2	Cửa nhôm Nam Sung - Hàng hệ		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung					1.800.000
768	Cửa khung nhựa/nhôm	Song bảo vệ, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,5mm	M2	Cửa nhôm Nam Sung - Hàng hệ		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung					1.500.000
769	Cửa khung nhựa/nhôm	Hệ NS-700: Cửa đi mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định/kính suốt), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 0,9mm, kính trắng Công nghiệp Hạ Long - CFG dày 5mm	M2	Hệ thông dụng		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung					1.950.000
770	Cửa khung nhựa/nhôm	Hệ NS-720: Cửa sổ lùa 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 0,9mm, kính trắng Công nghiệp Hạ Long - CFG dày 5mm	M2	Hệ thông dụng		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung					1.400.000
771	Cửa khung nhựa/nhôm	Hệ NS-720: Cửa sổ lùa 4 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 0,9mm, kính trắng Công nghiệp Hạ Long - CFG dày 5mm	M2	Hệ thông dụng		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung					1.450.000

Dutoanfi.com.vn

772	Cửa khung nhựa/nhôm	Lá sách/Louver Z: Khung lá sách NS-F208A (kèm chia đố), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 0,9mm	M2	Hệ thông dụng		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung						1.900.000
773	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sắt kéo có lá, sơn tĩnh điện	M2		Bao gồm khung						Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	709.091
774	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sắt kéo có lá	M2		Loại<8m2(cơ sở siêu tiến)						Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	954.545
775	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sắt kéo không lá	M2								Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	863.636
776	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sắt kéo có lá	M2		Loại>8m2(cơ sở siêu tiến)						Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	1.118.182
777	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sắt kéo không lá	M2								Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	1.018.182
778	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi pano kính sắt đặt gia công	M2		V40xV40 khoá và phụ liệu						Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	1.136.364
779	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ kính sắt, lùa, mở V40x40x2	M2		không bao gồm khuôn bông bảo vệ						Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	863.636
780	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ kính sắt, lật V30x30x2	M2								Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	836.364
781	Cửa khung nhựa/nhôm	Cánh cổng hàng rào đẩy 40x40	M2		Thép hình sơng D14 bọc tol 1 ly						Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	890.909
782	Cửa khung nhựa/nhôm	Cánh cổng hàng rào bản lề 40x40	M2		"						Cty TNHH Tấn Minh Door & Glass	827.273
783	Kính	Màu trắng dày 5ly	M2		Kính xây dựng						Cty TNHH Tâm Lộc Phú	140.000
784	Kính	Màu trắng dày 8ly	M2		Kính xây dựng						Cty TNHH Tâm Lộc Phú	205.000
785	Kính	Màu trắng dày 10ly	M2		Kính xây dựng						Cty TNHH Tâm Lộc Phú	290.000
786	Kính	Màu trắng dày 12ly	M2		Kính xây dựng						Cty TNHH Tâm Lộc Phú	380.000
787	Kính	Màu trắng cường lực dày 5ly	M2		Kính xây dựng						Cty TNHH Tâm Lộc Phú	195.000
788	Kính	Màu trắng cường lực dày 8ly	M2		Kính xây dựng						Cty TNHH Tâm Lộc Phú	260.000
789	Kính	Màu trắng cường lực dày 10ly	M2		Kính xây dựng						Cty TNHH Tâm Lộc Phú	345.000

Dutoanf1.com.vn

790	Kính	Màu trắng cường lực dày 12ly	M2		Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	450.000
791	Kính	Solar control dày 4ly (xanh, xám)	M2	Tiết kiệm năng lượng	Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	185.000
792	Kính	Solar control dày 5ly (xanh, xám)	M2	Tiết kiệm năng lượng	Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	200.000
793	Kính	Solar control dày 8ly (xanh, xám)	M2	Tiết kiệm năng lượng	Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	280.000
794	Kính	Solar control dày 10ly (xanh, xám)	M2	Tiết kiệm năng lượng	Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	360.000
795	Kính	Solar control cường lực dày 4ly	M2	Tiết kiệm năng lượng	Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	245.000
796	Kính	Solar control cường lực dày 5ly	M2	Tiết kiệm năng lượng	Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	260.000
797	Kính	Solar control cường lực dày 8ly	M2	Tiết kiệm năng lượng	Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	340.000
798	Kính	Solar control cường lực dày 10ly	M2	Tiết kiệm năng lượng	Kính xây dựng					Cty TNHH Tâm Lộc Phú	420.000
799	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC DN 21x1,2mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 04/3/2025		Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam					6.873
800	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC DN 27x1,4mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 04/3/2026		Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam					10.603
801	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC DN 34x1,6mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 04/3/2027		Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam					15.415
802	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC DN 42x2,1mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 04/3/2028		Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam					25.625
803	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC DN 60x3,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 04/3/2029		Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam					52.429
804	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC DN 90x3,8mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 04/3/2030		Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam					98.477

Dutoanfi.com.vn

805	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC DN 114x4,9mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 04/3/2031	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam					162.000
806	Vật tư ngành nước	Ống nhựa uPVC DN 168x7,3mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD đến ngày 04/3/2032	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam					354.338
807	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 20x1,8mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2024	Super Trường Phát					7.091
808	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 25x1,8mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2025	Super Trường Phát					9.273
809	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 32x1,9mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2026	Super Trường Phát					11.727
810	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 40x2,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2027	Super Trường Phát					15.909
811	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 50x3,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2028	Super Trường Phát					29.545

Dtoan1.com.vn

812	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 63x3,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2029		Super Trường Phát					38.091
813	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 75x3,6mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2030		Super Trường Phát					54.091
814	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 90x4,3mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2031		Super Trường Phát					78.091
815	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 110x4,2mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2032		Super Trường Phát					97.273
816	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 100 - Ø 200x9,6mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2033		Super Trường Phát					383.182
817	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 20x2,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2034		Super Trường Phát					7.545
818	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 25x2,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2035		Super Trường Phát					9.545

Dutoanfl.com.vn

819	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 32x2,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2036		Super Trường Phát					12.636
820	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 40x2,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2037		Super Trường Phát					15.909
821	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 50x3,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2038		Super Trường Phát					29.545
822	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 63x3,0mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2039		Super Trường Phát					38.091
823	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 75x3,6mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2040		Super Trường Phát					54.091
824	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 90x4,3mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2041		Super Trường Phát					78.091
825	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 110x5,3mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2042		Super Trường Phát					116.273

Dutoan1.com.vn

826	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE PE 80 - Ø 200x9,6mm	Mét	Giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2019/BXD GCN HQ số 2483-23-00/01 và 2483-23-01/01 đến ngày 30/3/2043		Super Trường Phát					383.182
827	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 500 lít đứng	Cái		Bồn nhựa Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					954.545
828	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 500 lít nằm	Cái		Bồn nhựa Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					1.545.455
829	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1000 lít đứng	Cái		Bồn nhựa Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					2.081.818
830	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1000 lít nằm	Cái		Bồn nhựa Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					2.718.182
831	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1500 lít đứng	Cái		Bồn nhựa Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					2.909.091
832	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1500 lít nằm	Cái		Bồn nhựa Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					4.181.818
833	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 2000 lít đứng	Cái		Bồn nhựa Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					3.818.182
834	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 2000 lít nằm	Cái		Bồn nhựa Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					5.545.455
835	Vật tư ngành nước	Bồn Inox - Bồn 500 lít đứng	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					1.818.182
836	Vật tư ngành nước	Bồn Inox - Bồn 500 lít nằm	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					1.954.545
837	Vật tư ngành nước	Bồn Inox - Bồn 1000 lít đứng	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					2.936.364
838	Vật tư ngành nước	Bồn Bồn Inox - 1000 lít nằm	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					3.118.182
839	Vật tư ngành nước	Bồn Bồn Inox - 1500 lít đứng	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					4.454.545
840	Vật tư ngành nước	Bồn Inox - Bồn 1500 lít nằm	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					4.663.636
841	Vật tư ngành nước	Bồn Inox - Bồn 2000 lít đứng	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					5.945.455
842	Vật tư ngành nước	Bồn Inox - Bồn 2000 lít nằm	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					6.163.636

Dutoanxd.com.vn

843	Vật tư ngành nước	Bồn Inox - Bồn 3000 lít nằm	Cái		Bồn Inox Đại Thành	DNTN Thu Đại Thành					8.918.182
844	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 500 lít đứng	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xám, bảo hành 18 năm			1.318.182
845	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 500 lít nằm	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xám, bảo hành 18 năm			1.590.909
846	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1000 lít đứng	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xám, bảo hành 18 năm			2.163.636
847	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1000 lít nằm	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xám, bảo hành 18 năm			2.863.636
848	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1500 lít đứng	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xám, bảo hành 18 năm			3.090.909
849	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 2000 lít đứng	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xám, bảo hành 18 năm			3.954.545
850	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 3000 lít đứng	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xám, bảo hành 18 năm			5.863.636
851	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1000 lít nằm	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xanh bảo hành 12 năm			2.400.000
852	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa - Bồn 1000 lít đứng	Cái			CtyTNHHSXTMDV Đại Hoàng Thiện		màu xanh bảo hành 12 năm			1.772.727
853	Vật liệu khác	Xả tiểu nhấn ASKU101	Cái		Hiệu ASAHI EITO					Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	1.904.545
854	Vật liệu khác	Xả tiểu cảm ứng ASK1400B	Cái		Hiệu ASAHI EITO					Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	13.395.455
855	Vật liệu khác	Vòi Lavabo lạnh ASLV1108V	Cái		Hiệu ASAHI EITO					Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	1.050.000
856	Vật liệu khác	Bộ xả Lavabo ASAP42	Bộ		Hiệu ASAHI EITO					Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	986.364
857	Vật liệu khác	Bộ xả Lavabo ASAP12N	Cái		Hiệu ASAHI EITO					Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	280.909
858	Vật liệu khác	Sen tắm nóng lạnh ASSF400K-T	Bộ		Hiệu ASAHI EITO					Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	4.413.636
859	Vật liệu khác	Vòi hồ ASF4K	Cái		Hiệu ASAHI EITO					Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	931.818

Dutoame.com.vn

860	Vật liệu khác	Súng xịt Bàn Cầu ASS130N	Cái		Hiệu ASAHI EITO					Cty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	599.091
861	Xi măng	Cement Hà Tiên PCB30	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCNHQ đến 11/4/2024		Cty Cổ phần XM Hà Tiên	Giá tại nhà máy huyện Kiên Lương				1.026
862	Xi măng	Cement Hà Tiên PCB40	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCNHQ đến 11/4/2024		Cty Cổ phần XM Hà Tiên	Giá tại nhà máy huyện Kiên Lương				1.134
863	Xi măng	Cement Hà Tiên PCB50	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCNHQ số: 217/2023/DNSX-SVIBM đến ngày 19/11/2026		Cty Cổ phần XM Hà Tiên	Giá tại nhà máy huyện Kiên Lương				1.324
864	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB 40	Kg				Giá tại nhà máy huyện Kiên Lương			Xí nghiệp TT&DV XM Hà Tiên 1	1.468
865	Xi măng	Vicem Hà Tiên đa dụng	Kg				Giá tại nhà máy huyện Kiên Lương			Xí nghiệp TT&DV XM Hà Tiên 1	1.361
866	Xi măng	Xi măng PCB40 (bao 50kg)	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCNHQ đến 02/8/2025		Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Hà Tiên - Hậu Giang	Giá Tại Kho Bốc Lên Phương Tiện Bên Mua (giao tại số 58, ấp Mỹ Hiệp 1, xã Tân Tiến, tp Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang)				1.455
867	Xi măng	Xi măng PCB40 (> 50kg)	Kg	QCVN 16:2019/BXD GCNHQ đến 02/8/2025		Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Hà Tiên - Hậu Giang	Giá Tại Kho Bốc Lên Phương Tiện Bên Mua (giao tại số 58, ấp Mỹ Hiệp 1, xã Tân Tiến, tp Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang)				1.373

Dtoanf1.com.vn

868	Cát tự nhiên	Cát sông tự nhiên (nhập khẩu Campuchia)	m3	QCVN 16:2023/BXD GCN số 0124.05.09/CN-BMI (giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày 16/01/2025)		Nhà nhập khẩu Cty TNHH Thương Mại - Dịch vụ - Xây dựng Lê Nhớ	Campuchia	Hàng được giao nhận tại: xã Vĩnh Xương - Tân Châu, An Giang (Khối lượng giao nhận cát san lấp thực tế trên thùng sà lan, Chưa bốc lên phương tiện bên mua).		Giá tại thời điểm báo Tháng 01-03/2024, giá bán thực tế tùy thời điểm cụ thể	175.000
869	Đá xây dựng	Đá mi bụi I	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	197.000
870	Vật liệu khác	Đất, cát núi cải tạo tầng phủ	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	125.000
871	Đá xây dựng	Đá mi sàng 5x10 và 5x15	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	249.000
872	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại I Dmax25	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	245.000

Dutoan1.com.vn

873	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại II	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	211.000
874	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại III	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	183.000
875	Đá xây dựng	Đá 1x2 lỗ sàng 29	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	315.000
876	Đá xây dựng	Đá 1x2 lỗ sàng 22	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	324.000
877	Đá xây dựng	Đá 4x6 xay Bóp	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	267.000

Dutoanf1.com.vn

878	Đá xây dựng	Đá 2x4	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá: 32.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại máy nghiền	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	272.000
879	Đá xây dựng	Đá mi bụi I	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	207.000
880	Vật liệu khác	Đất, cát núi cải tạo tầng phủ	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	135.000
881	Đá xây dựng	Đá mi sàng 5x10 và 5x15	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	259.000

Dutoanf1.com.vn

882	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại I Dmax25	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG	Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	255.000
883	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại II	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG	Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	221.000
884	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại III	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG	Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	193.000
885	Đá xây dựng	Đá 1x2 lỗ sàng 29	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG	Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	325.000

Dutoanf1.com.vn

886	Đá xây dựng	Đá 1x2 lỗ sàng 22	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	334.000
887	Đá xây dựng	Đá 4x6 xay bóp	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	277.000
888	Đá xây dựng	Đá 2x4	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 42.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc giao tại bến thủy Hòn Sóc	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	282.000
889	Đá xây dựng	Đá mi bụi I	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	217.000

Dutoanf1.com.vn

890	Vật liệu khác	Đất, cát nủi cải tạo tầng phủ	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	145.000
891	Đá xây dựng	Đá mi sàng 5x10 và 5x15	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	269.000
892	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại I Dmax25	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	265.000
893	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại II	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	231.000

Dutoanf1.com.vn

894	Đá xây dựng	Đá 0x4 loại III	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	203.000
895	Đá xây dựng	Đá 1x2 lỗ sàng 29	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	335.000
896	Đá xây dựng	Đá 1x2 lỗ sàng 22	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	344.000
897	Đá xây dựng	Đá 4x6 xay bóp	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống phương tiện KH: 52.500đ/m³ - Thuế xúc, bang: 8%	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	287.000

Dutoanf1.com.vn

898	Đá xây dựng	Đá 2x4	M3			CTY CP SẢN XUẤT VLXD KIÊN GIANG		Giá đã bao gồm chi phí dịch vụ: xúc, bang, vận chuyển lên xe của khách hàng, chưa bao gồm VAT. Trong đó: - Giá dịch vụ xúc, bang đá, vận chuyển, xuống	Đá Hòn Sóc tại điểm giao dịch Chòm Sao	Theo báo giá số 01/2024/TBG-CTY của Cty CP Sản xuất VLXD Kiên Giang	292.000
899	Gạch xây	Gạch không nung ống 80x80x180	Viên	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2.01 đến ngày 29/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			1.310
900	Gạch xây	Gạch không nung thẻ 50x100x190	Viên	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2.01 đến ngày 29/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			1.220
901	Gạch xây	Gạch không nung 3 lỗ 100x190x390	Viên	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2.01 đến ngày 29/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			5.450
902	Gạch xây	Gạch không nung 3 lỗ 190x190x390	Viên	QCVN 16:2019/BXD. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2.01 đến ngày 29/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			9.400
903	Bê tông đúc sẵn	Cọc BTLT D300 M600	Md	TCVN 7888:2014. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2.04 đến ngày 29/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			248.000

Dutoanf1.com.vn

904	Bê tông đúc sẵn	Cọc BTLT D400 M600	Md	TCVN 7888:2014. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2.04 đến ngày 29/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			415.000
905	Bê tông đúc sẵn	Cống D300 H10 (L=4m)	Md	TCVN 9113:2012. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2.03 đến ngày 29/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			270.000
906	Bê tông đúc sẵn	Cống D400 H10 (L=4m)	Md	TCVN 9113:2012. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2.03 đến ngày 29/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			322.000
907	Bê tông	BT nhựa nóng C9,5	Tấn	TCVN 8819:2011. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2 đến ngày 14/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			1.690.000
908	Bê tông	BT nhựa nóng C12,5	Tấn	TCVN 8819:2011. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2 đến ngày 14/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách hàng			1.640.000
909	Bê tông	BT nhựa nóng C19	Tấn	TCVN 8819:2011. GCN HQ số: 170979.01.PRO.CN2 2 đến ngày 14/06/2025		Cty Cổ phần Xây dựng Bách Khoa		Bán tại Nhà máy Cty CP Xây dựng Bách Khoa An Giang, đ/c: ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, Châu Thành, An Giang. Giá bao gồm chi phí bốc dỡ hàng lên xe khách			1.570.000

Datoanf1.com.vn

910	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 280 (H8)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	557.407
911	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 400 (H8)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	744.444
912	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 500 (H8)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	871.296
913	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 650 (H8)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	1.264.815
914	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 280 (50%HL93)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	1.512.963
915	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 400 (50%HL93)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	1.659.259

Dutoanf1.com.vn

916	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 500 (50%HL93)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	1.902.778
917	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 650 (50%HL93)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	2.060.185
918	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 280 (65%HL93)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	1.479.630
919	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 500 (65%HL93)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	1.869.444
920	Bê tông đúc sẵn	Dầm I 650 (65%HL93)	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	2.026.852
921	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I 12,5m mới	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	33.200.000

Dtoanf1.com.vn

922	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I 18,6m mới	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	59.496.296
923	Bê tông đúc sẵn	Dầm bản rỗng BTCT DUL 15m	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	100.000.000
924	Bê tông đúc sẵn	Dầm bản rỗng BTCT DUL 24m	Md	Giấy chứng nhận sản phẩm Dầm BTCT DUL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 9114:2012 số SP 2122/2.23.16 đến 22/10/2026		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	188.888.889
925	Vật liệu khác	Gối cao su 200*150*25mm	cái			Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	383.333
926	Vật liệu khác	Khe co giãn cao su 260*1000*50mm	Md			Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang)		(Giá điển hình tại thời điểm báo, đã bao gồm chi phí vận chuyển tạm tính tới Cầu Rạch Giá 1, sông Hà Tiên thuộc địa bàn nội ô TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)		Cty Cổ phần Duy Giang (Cần Thơ & Hậu Giang); ĐT: 0913339499	3.200.000

Dutoan1.com.vn